

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ - TỈNH QUẢNG TRỊ**

Đông Hà, tháng 01 năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ - TỈNH QUẢNG TRỊ**

Ngày tháng năm 2023

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Ngày tháng năm 2023

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI	2
1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên.....	2
1.1.1. Vị trí địa lý.....	2
1.1.2. Địa hình, địa mạo	2
1.1.3. Khí hậu	3
1.1.4. Thủy văn	4
1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên.....	5
1.2.1. Tài nguyên đất	5
1.2.2. Tài nguyên nước	5
1.2.3. Tài nguyên rừng.....	6
1.2.4. Tài nguyên khoáng sản	6
1.2.5. Tài nguyên nhân văn	6
1.3. Hiện trạng môi trường	7
1.3.1. Môi trường không khí	7
1.3.2. Môi trường nước.....	7
1.3.3. Hiện trạng chất thải rắn	7
1.4. Dân số, lao động và việc làm.....	8
1.5. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	9
1.5.1. Phát triển kinh tế	9
1.5.2. Văn hóa - xã hội	11
1.6. Nhận xét chung.....	12
1.6.1. Thuận lợi.....	12
1.6.2. Những khó khăn, hạn chế	13
II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	13
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	13
2.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2022	13
2.1.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2022	18
2.1.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân	18
2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	20
2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.....	20

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	21
3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	21
3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	22
3.2.1. Đất nông nghiệp	22
3.2.2. Đất phi nông nghiệp	23
3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	31
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	37
3.4.1. Diện tích chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án	37
3.4.2. Diện tích chuyển mục đích cho hộ gia đình cá nhân.....	38
3.5. Diện tích đất cần thu hồi.....	38
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	39
3.7. Giao đất, cho thuê đất đối với thửa đất nhỏ hẹp.....	39
3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch	40
3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất ..	40
IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	41
4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	41
4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	42
4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	43
4.4. Giải pháp về khoa học công nghệ, sử dụng lao động.....	43
4.5. Giải pháp về thông tin và truyền thông	43
4.6. Giải pháp chuyển đổi ngành nghề và phát triển sinh kế cho những hộ gia đình bị thu hồi đất sản xuất để thực hiện các mục đích phi nông nghiệp.....	44
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	45
1. Kết luận.....	45
2. Kiến nghị	45
BIỂU SỐ LIỆU.....	46

ĐẶT VẤN ĐỀ

Thành phố Đông Hà nằm ở vị trí trung độ của cả nước, với tổng diện tích tự nhiên 7.308,53 ha, mật độ dân số khoảng 1.3000 người/km². Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Quảng Trị, nằm trên trục hành lang kinh tế Đông - Tây nối liền 13 tỉnh của 4 quốc gia (Việt Nam, Lào, Thái Lan, Myanmar); có mạng lưới giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt thuận lợi, có vị trí về quốc phòng - an ninh khu vực miền Trung, cũng như hội tụ các điều kiện giao lưu, tiếp thu các thành tựu khoa học tiên tiến, khả năng thu hút đầu tư để xây dựng phát triển trở thành đô thị hiện đại, ngang tầm khu vực. Để quản lý, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thì công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phải được triển khai thực hiện một cách kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 khẳng định “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Luật Đất đai năm 2013, tại khoản 1 Điều 6 quy định: “Nguyên tắc sử dụng đất phải đúng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất”. Tại Điều 35, 38, 39, 40 quy định các nguyên tắc, căn cứ, nội dung lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện ở 3 cấp là quốc gia, tỉnh, huyện. Tại Điều 45, 48, 49 xác định thẩm quyền quyết định, xét duyệt, điều chỉnh, công bố và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch. Tại Điều 52 cũng quy định căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất là kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Vì vậy, để sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả quỹ đất, tránh việc giao đất, cho thuê đất bừa bãi gây tình trạng chiếm dụng quỹ đất; mua bán chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc giao đất, cho thuê đất đối với các nhà đầu tư có năng lực tài chính hạn chế, dẫn đến đất đai bị bỏ hoang, bị lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, do đó việc lập Kế hoạch sử dụng đất của thành phố năm 2023 là hành lang pháp lý cho công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và là một dung bắt buộc trong quá trình quản lý, sử dụng đất của thành phố Đông Hà, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong thời gian tới.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Đông Hà là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Quảng Trị, nằm ở tọa độ 16^o40'53" - 16^o52'22" vĩ độ Bắc, 107^o40'24" - 107^o04'24" kinh độ Đông. Cách thành phố Đông Hới 93 km về phía Nam, cách thành phố Huế 70 km về phía Bắc, cách cửa khẩu Lao Bảo 85 km về phía Đông, cách cảng biển Cửa Việt 16 km về phía Tây. Phạm vi thành phố được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Cam Lộ và Gio Linh.
- Phía Nam giáp huyện Triệu Phong.
- Phía Đông giáp huyện Gio Linh và Triệu Phong.
- Phía Tây giáp huyện Cam Lộ.

Đông Hà nằm ở giao điểm của các tuyến giao thông Bắc Nam gồm có Quốc lộ 1A (nối Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh), đường sắt Bắc Nam và Quốc lộ 9 nằm trong hệ thống đường Xuyên Á đi Lào, Đông Bắc Thái Lan. Thành phố Đông Hà là một trong những điểm khởi đầu ở phía Đông của trục hành lang kinh tế Đông - Tây, nối với nước Lào, Thái Lan và Myanmar... qua cửa khẩu Quốc tế Lao Bảo.

1.1.2. Địa hình, địa mạo

- Địa hình: Nhìn chung, thành phố Đông Hà có hai dạng địa hình cơ bản sau:

+ Địa hình gò đồi: Có dạng bát úp ở phía Tây và Tây Nam có diện tích 3.222 ha, chiếm 44,1% diện tích tự nhiên; có độ cao trung bình 10 m so với mực nước biển, nghiêng dần về phía Đông với độ dốc trung bình 5 - 10^o, chỗ cao nhất là 42 m ở phường Đông Thanh (Khu phố 11), chỗ thấp nhất là 2,5 m nằm ở khu vực chợ Đông Hà và phía Đông Quốc lộ 1A. Với địa hình này sẽ thích hợp cho việc sản xuất canh tác, trồng cây lâm nghiệp, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế trang trại, sinh thái vườn đồi, vườn rừng. Xen kẽ giữa những gò đồi là những hồ đập có tác dụng điều hoà khí hậu, bảo vệ môi trường, đồng thời tạo ra những cảnh quan tự nhiên, môi trường sinh thái để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển các cụm điểm dịch vụ vui chơi, giải trí, tạo ra một cảnh quan đô thị đẹp, đa dạng.

+ Địa hình đồng bằng: Có độ cao trung bình 3 m so với mực nước biển, chiếm 55,9% diện tích tự nhiên. Về thổ nhưỡng, đất ở đây được phủ lên mặt lớp phù sa thuận lợi cho phát triển nông nghiệp (trồng lúa, hoa, rau màu...). Địa hình này tập trung ở Phường 2, Phường 3, Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương. Do địa hình thấp trũng nên thường hay bị ngập lụt về mùa mưa bão; đồng thời do nằm ở cuối nguồn các công trình thủy lợi nên thường bị hạn hán, thiếu nước về mùa hè, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống.

- Địa mạo: Do hoạt động kiến tạo xảy ra mạnh mẽ, đặc biệt là hoạt động tân kiến tạo, kết hợp với quá trình ngoại sinh đã tạo nên 2 vùng địa mạo cơ bản là vùng bóc mòn và vùng tích tụ.

+ Vùng bóc mòn: phân bố chủ yếu ở phía Tây - Tây Nam Quốc lộ 1A, có độ cao dao động từ 5 m đến xấp xỉ 30 m, là vùng hoàn toàn thoát khỏi tác động của lũ lụt hàng năm, ở đây hoạt động phong hoá xâm thực - bóc mòn là cơ bản, vùng này có nền móng tốt thuận lợi cho xây dựng các công trình, định cư và trồng cây công nghiệp, lâm nghiệp.

+ Vùng tích tụ: có cấu tạo địa hình phức tạp, độ cao biến động từ 0 - 5 m; nhiều nơi bị ngập lũ hàng năm, có nơi sâu đến 2 m (như phường Đông Thanh, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương). Đây là vùng trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản. Hàng năm lũ lụt gây ra nhiều thiệt hại cho cư dân và sản xuất nông nghiệp.

1.1.3. Khí hậu

- Thành phố Đông Hà nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa nhưng lại chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam và gió mùa Đông Bắc. Khí hậu phân thành hai mùa rõ rệt. Mùa khô từ tháng 3 đến tháng 9, có sự xuất hiện của gió Tây Nam khô nóng làm cho mức nhiệt tăng, độ ẩm giảm thấp. Mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 02 năm sau, chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc làm cho nhiệt độ giảm kèm theo mưa bão và lũ lụt.

+ Nhiệt độ: Có nền nhiệt độ tương đối cao, nhiệt độ trung bình năm khoảng 25°C. Nhiệt độ cao nhất có thể lên đến 42°C, thường xảy ra trong tháng 6, tháng 7; nhiệt độ thấp có thể xuống 11°C, thường xảy ra trong khoảng tháng 01, tháng 12. Từ tháng 5 đến tháng 7 khi xuất hiện gió mùa Tây Nam (thường gọi là gió Lào) mang đặc trưng nắng nóng và khô hạn kéo dài, đó cũng là thời gian nóng nhất trong năm.

+ Lượng mưa: Tương đối lớn, bình quân năm 2.454 mm, nhưng phân bố không đều theo các tháng trong năm. Mưa tập trung chủ yếu vào tháng 9, 10, 11 và cao nhất vào tháng 9 nên thường gây ra lũ lụt. Nước lũ tràn về đồng ruộng tạo nên lớp phù sa mới, bồi đắp độ màu mỡ cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên đây cũng là nguyên nhân gây ngập úng, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân.

+ Độ ẩm: Độ ẩm trung bình qua các năm từ 83 - 87%, các tháng có độ ẩm cao thường là các tháng mùa mưa. Vào mùa khô độ ẩm thấp hơn nhiều, đặc biệt vào thời kỳ có gió Tây Nam hoạt động, độ ẩm chỉ còn 67 - 68%.

+ Bức xạ mặt trời, số giờ nắng: Tổng bức xạ lớn nhất rơi vào các tháng mùa khô, trung bình hàng năm đạt từ 128 - 133 Kcal/cm². Với số giờ nắng phân hóa không đều trong năm, những tháng mùa hạ thường có số giờ nắng cao gấp 2 đến 3 lần mùa mưa. Thời kỳ nắng nhiều là những tháng mùa khô từ tháng 4 đến tháng 8, số giờ nắng lớn hơn 200 giờ; tháng có giờ nắng cực đại là tháng 7, đạt 239 giờ. Thời kỳ ít nắng là những tháng mùa mưa từ tháng 11 đến tháng 02 năm sau, số giờ nắng dưới 120 giờ.

- Gió: Hằng năm, có hai mùa gió chính là gió mùa đông và gió mùa hạ. Về mùa đông hướng thịnh hành chủ yếu là Đông - Bắc; xen kẽ giữa hai đợt gió mùa Đông Bắc là những ngày gió mùa Đông hoặc Đông Nam. Về mùa hạ, hướng gió thịnh hành là hướng Tây - Nam; gió Đông Nam xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau; gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từ hạ tuần tháng 02 và kết thúc vào trung tuần tháng 9, gió Tây Nam thịnh hành từ tháng 5 đến tháng 8.

+ Bão: Mùa bão thường xảy ra từ tháng 9 đến tháng 11. Các cơn bão đổ bộ vào đất liền thường kèm theo mưa to kết hợp nước biển dâng cao và lượng mưa từ trên nguồn đổ xuống gây lũ lụt và ngập úng trên diện rộng làm hư hỏng cơ sở hạ tầng, thiệt hại mùa màng, gây nhiều tổn thất về kinh tế, xã hội và môi trường.

- Nhìn chung, khí hậu của khu vực có nhiều nét biến động mạnh, thể hiện qua sự biến động mùa (mùa đông và mùa hạ, mùa mưa và mùa khô). Diễn biến khí hậu thời tiết của Đông Hà thường gây úng vào đầu vụ đối với vụ đông xuân; hạn đầu vụ, úng cuối vụ đối với vụ hè thu.

1.1.4. Thủy văn

- Chế độ thủy văn chịu ảnh hưởng của hệ thống sông ngòi và thủy triều từ biển vào thông qua cửa biển Cửa Việt. Hệ thống sông ngòi của thành phố gồm 03 sông chính:

+ Sông Hiếu: Bắt nguồn từ sườn Đông dãy Trường Sơn cao trên 1.000 m chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam qua các xã Hướng Sơn, Hướng Hiệp chảy về địa phận huyện Cam Lộ đi về Đông Hà (bắt đầu từ nhà máy xi măng Đông Hà đến ngã ba Gia Độ) và nhập vào sông Thạch Hãn ở ngã ba Gia Độ. Sông Hiếu có chiều dài 70 km, diện tích lưu vực 465 km², đoạn chảy qua thành phố có chiều dài 8 km, với chiều rộng trung bình khoảng 150 - 200 m. Khu vực hạ lưu sông Hiếu chịu sự chi phối của thủy triều từ biển vào nên có chế độ dòng chảy khá phức tạp. Về mùa hạ dòng chảy ở thượng lưu nhỏ (lưu lượng thấp nhất là 2,83 m³/s) nên mặn xâm nhập sâu và biên độ mặn lớn, nhưng về mùa lũ nước thường dâng cao gây ngập lụt.

+ Sông Thạch Hãn: Có chiều dài 155 km, diện tích lưu vực 2.660 km². Nhánh sông chính là Thạch Hãn bắt nguồn từ các dãy núi lớn Động Sa Mui, Động Voi Mẹp (nhánh Rào Quán) và động Ba Lê, động Dang (nhánh Đakrông). Đoạn chảy qua thành phố Đông Hà có chiều dài 5 km, với chiều rộng trung bình khoảng 250 - 400 m.

+ Sông Vĩnh Phước: Bắt nguồn từ vùng đồi cao 300 - 400 m thuộc xã Cam Nghĩa, Cam Chính (huyện Cam Lộ) chảy qua phía Nam thành phố Đông Hà ở phường Đông Lương rồi đổ vào sông Thạch Hãn tại Km5 đường sông, tính từ ngã ba Gia Độ ở xã Triệu Độ (huyện Triệu Phong). Sông có diện tích lưu vực 183 km², chiều dài 45 km, chiều rộng trung bình 50 - 70 m, lưu lượng trung bình 9,56 m³/s. Đây là con sông cung cấp nguồn nước sinh hoạt cho thành phố Đông Hà.

- Ngoài các con sông chính trên địa bàn thành phố Đông Hà còn có các hồ như: hồ Khe Mây, hồ Khe Sắn, hồ Trung Chi, hồ Km6, hồ Đại An, hồ Công

viên... được phân bố đều khắp trên địa bàn thành phố, góp phần tạo cảnh quan thiên nhiên, điều hòa vi khí hậu, điều tiết lưu vực dòng chảy, phát triển du lịch sinh thái cho thành phố.

1.2. Đặc điểm các nguồn tài nguyên

1.2.1. Tài nguyên đất

Theo kết quả điều tra nông hoá thổ nhưỡng, đất đai của thành phố Đông Hà chủ yếu gồm các loại đất sau: Đất Feralit trên sa phiến, đất phù sa bồi, phù sa không được bồi, đất phù sa Flay.

- Đất phù sa Glây (Pg): Phân bố rải rác ở các khu vực trồng lúa (thuộc các phường Đông Lễ, Đông Lương, Đông Giang, Đông Thanh) có diện tích khoảng 200 ha, là loại đất thích hợp trồng lúa.

- Đất phù sa được bồi hàng năm (Pb): Phân bố tập trung ở các vùng khu vực triền sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, diện tích khoảng 500 ha, đây là loại đất thích hợp cho việc trồng cây lương thực, cây ăn quả và cây công nghiệp.

- Đất Feralit nâu vàng phát triển trên phiến sét (Fs): Phân bố tập trung ở khu vực Tây và Tây Nam thành phố. Diện tích đất này chiếm diện tích khoảng 3.500 ha, thích hợp trồng cây lâm nghiệp, cây ăn quả và phát triển đồng cỏ chăn nuôi.

Đặc điểm chung của các loại đất trên là bị chua phèn, độ pH dao động từ 4,5 - 6,5 nên độ phì kém.

1.2.2. Tài nguyên nước

- Nguồn nước mặt: Nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của nhân dân thành phố Đông Hà khá dồi dào, được cung cấp chủ yếu từ 3 hệ thống sông chính (sông Hiếu, sông Vĩnh Phước, sông Thạch Hãn) và các khe suối, hồ chứa... phân bố khá đều trên địa bàn thành phố. Ngoài các con sông kể trên Đông Hà còn có một số hồ đập nhân tạo phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, cải tạo môi trường và nuôi trồng thủy sản, như:

+ Hồ Trung Chỉ: Có diện tích lưu vực khoảng 3,2 km² phục vụ tưới cho gần 100 ha lúa của phường Đông Lương.

+ Hồ Khe Mây: Nằm ở phía Tây thành phố có diện tích lưu vực khoảng 6 km² phục vụ nước tưới cho 30 - 35 ha lúa, nuôi trồng thủy sản.

+ Hồ Đại An: Có diện tích lưu vực 4,18 ha là hồ điều hòa cho khu vực Phường 5, gồm các tuyến Hàm Nghi, Lý Thường Kiệt, Nguyễn Chí Thanh, Tôn Thất Thuyết.

- Nguồn nước ngầm: Theo tài liệu đánh giá của Sở Khoa học và Công nghệ vùng trung tâm thành phố và khu vực đất đồi tầng ngầm nghèo. Nguồn nước ngầm mạch nông tồn tại ở vùng đất trũng thuộc khu vực tràm tích phù sa. Không có nguồn nước ngầm ở mạch nông nhưng có thể khai thác nguồn nước ngầm mạch sâu cách thành phố khoảng 12 km về phía Đông Bắc, trữ lượng

nước tương ứng cấp C1 là 19.046m³/ngày, cấp C2 là 98.493m³/ngày, lưu lượng giếng khoan từ 15-19l/s.

1.2.3. Tài nguyên rừng

- Hiện nay, thành phố Đông Hà có khoảng 2.177,17 ha đất lâm nghiệp (chiếm 59,65% tổng diện tích đất nông nghiệp), bao gồm: đất rừng sản xuất khoảng 2.104,26 ha, đất rừng phòng hộ khoảng 72,91 ha. Rừng tự nhiên bị chiến tranh hủy diệt và một phần do con người chặt phá nên diện tích còn không đáng kể. Rừng trồng đã đến tuổi khai thác có khoảng 1.000 ha, mật độ thưa, năng suất và trữ lượng không cao. Ước tính trữ lượng gỗ củi có khoảng 15.000 m³ gỗ củi. Cần duy trì ổn định diện tích đất rừng sản xuất, rừng cảnh quan gắn phát triển lâm nghiệp với phát triển du lịch, dịch vụ và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tỷ lệ che phủ năm 2022 là 18,27%, rừng của thành phố tuy giá trị về mặt kinh tế không lớn, song có ý nghĩa quan trọng trong việc điều hoà không khí, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn, đặc biệt là việc tạo cảnh quan, phát triển các loại hình kinh tế dịch vụ, thương mại, du lịch thăm quan, nghỉ dưỡng sau này trên địa bàn.

1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

- Nguồn tài nguyên khoáng sản ở thành phố Đông Hà nghèo, chỉ có nguồn đất sét làm gạch ngói, trữ lượng nhỏ, phân bố rải rác ở các phường Đông Giang, Đông Thanh, Đông Lương và Phường 2. Do đó, khó thực hiện việc khai thác trên diện rộng, quy mô lớn.

- Ngoài ra, qua các đợt thăm dò địa chất trước đây cho biết trên khu vực thành phố Đông Hà có quặng sắt ở đồi Quai Vạc, sắt ở đường 9D (gần trung tâm thành phố), trữ lượng cũng không đáng kể.

1.2.5. Tài nguyên nhân văn

- Thành phố Đông Hà là vùng đất được hình thành từ xa xưa, do những biến động của lịch sử nên Đông Hà có nhiều thế hệ làng, xã ra đời sớm muộn khác nhau. Trước năm 1306, vùng đất phía Nam sông Hiếu là lãnh thổ của Vương quốc Chăm Pa, trong khi đó vào năm 1069, phía Bắc sông Hiếu vẫn là đất của huyện Vĩnh Linh dưới thời Đại Việt. Vào thế kỷ thứ XVIII, Lê Quý Đôn viết Phủ tạp lục, Đông Hà là đất thuộc huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hoá. Vào thế kỷ thứ XIX, theo Đồng Khánh dư địa chí, Đông Hà là đất của 2 huyện (phía bắc thuộc huyện Thành Hoá, tổng An Lạc; phía nam sông Hiếu thuộc tổng An Đôn, huyện Đăng Xương). Qua thời gian, các làng, xóm vẫn giữ được hệ thống giếng Chăm và nhiều cô vật, bằng chứng của sự cư trú của nhiều dân tộc, đây cũng là một đặc điểm trong tổng thể văn hoá Quảng Trị nằm ở dải hội tụ hai phong cách văn hoá Việt và Chăm Pa.

- Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân thành phố Đông Hà có truyền thống đấu tranh anh dũng, đóng góp nhiều sức người, sức của trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, có tinh thần đoàn kết, lao động cần cù, sáng tạo. Trong công cuộc xây dựng đất nước, Đảng bộ và nhân dân thành phố tiếp tục phát huy

truyền thông anh hùng cách mạng, tự lực, tự cường, vượt qua khó khăn, thử thách giành được nhiều thành tích trong mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng Đảng, Mặt trận và các đoàn thể.

1.3. Hiện trạng môi trường

1.3.1. Môi trường không khí

Tất cả các thông số quan trắc chất lượng môi trường không khí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Cụ thể:

- Tiếng ồn: Tiếng ồn tại các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT. Tuy nhiên, một số vị trí, thời điểm xấp xỉ ngưỡng giới hạn. So với năm 2021, tiếng ồn tại các vị trí thấp hơn.

- Độ bụi: Độ bụi tại tất cả các vị trí quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT. Năm 2022, độ bụi đo được tại hầu hết vị trí có giá trị thấp hơn năm 2021.

- Các thông số khí độc (SO₂, NO₂, CO): Các thông số khí độc tại tất cả các vị trí đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT và ít có sự biến động so với năm 2021. Thông số CO không phát hiện tại nhiều vị trí quan trắc.

Nhìn chung, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Đông Hà năm 2022 chưa bị ô nhiễm bởi bụi, các khí độc và có xu hướng tốt hơn so với năm 2021.

1.3.2. Môi trường nước

- Môi trường nước mặt: Năm 2022, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép cột B1 của QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B1 dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi, giao thông thủy). Kết quả quan trắc xâm nhập mặn có sự biến động lớn theo thời gian, thường cao vào các tháng 6, 7, 8.

- Môi trường nước dưới đất: Năm 2020, kết quả phân tích cho thấy phần lớn các thông số phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất, riêng thông số pH thấp hơn giới hạn của quy chuẩn.

Như vậy, chất lượng nước dưới đất trên địa bàn thành phố chưa có dấu hiệu ô nhiễm các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng, tuy nhiên đã có dấu hiệu ô nhiễm vi sinh vật và giá trị pH tại một số điểm thấp hơn giới hạn cho phép của quy chuẩn. Do đó, để đảm bảo cung cấp nước cho mục đích sinh hoạt, nguồn nước này cần phải được xử lý trước khi sử dụng.

1.3.3. Hiện trạng chất thải rắn

- Chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt khoảng 20.200 tấn/năm. Do mật độ dân số giữa các phường trong thành phố là không đồng đều nên khối lượng và

thành phần rác thải sinh hoạt ở các phường cũng khác nhau dẫn đến khó khăn cho công tác lựa chọn và phân vùng, phân tuyến cho công tác thu gom và xử lý chất thải rắn.

- Chất thải rắn phát sinh từ công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp khoảng 3.025 tấn/năm.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động thương mại và dịch vụ khoảng 1.008 tấn/năm.

- Chất thải rắn nguy hại (công nghiệp, nông nghiệp, y tế) khoảng 59 tấn/năm.

Nhìn chung, công tác quản lý môi trường ở địa phương trong những năm gần đây đã được quan tâm đúng mức. Thành phố đã phối hợp với các ngành chức năng tổ chức kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh môi trường; giám sát việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn. Chỉ đạo thống kê các cơ sở gây ô nhiễm môi trường để có kế hoạch di dời. Triển khai thực hiện các dự án cải thiện môi trường đô thị Miền Trung (vốn ADB), dự án thoát nước đô thị WB đã xây dựng được hệ thống thoát nước chính, hệ thống thoát nước trong các khu dân cư, trạm xử lý nước thải tập trung, bãi chôn lấp tập trung, các điểm tập kết rác tạm thời và tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý tại bãi chôn lấp rác.

Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng dân số và quá trình đô thị hóa đã hưởng không nhỏ đến môi trường sinh thái:

- Thiếu các công trình xử lý nước thải tại khu cụm công nghiệp, nước thải sinh hoạt và hệ thống cống thoát nước chưa đồng bộ.

- Tình trạng ô nhiễm do khói bụi, khí độc và tiếng ồn do các phương tiện giao thông vận tải và các hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp, chợ ở một số khu vực ngày càng có xu hướng tăng lên.

- Môi trường khu dân cư, môi trường nước đang có hiện tượng bị ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, chăn nuôi, rác thải, khí thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp...

- Vấn đề cấp thoát nước, xử lý rác thải trên địa bàn thành phố là những vấn đề bức xúc ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường cần có những biện pháp cụ thể để xử lý.

- Mặt khác, trong quá trình sản xuất nông nghiệp đã sử dụng một lượng lớn phân bón hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nên môi trường đất, nước, không khí ít nhiều đã bị ô nhiễm ở những mức độ khác nhau.

1.4. Dân số, lao động và việc làm

- Theo kết quả điều tra năm 2022, tổng dân số của thành phố Đông Hà ước khoảng 101.248 người, chiếm 15,5% dân số toàn tỉnh, mật độ dân số khoảng 1.385 người/km²; mật độ phân bố cũng không đồng đều, chủ yếu tập trung ở khu vực trung tâm thành phố.

- Năm 2022, tổng số lao động trong độ tuổi khoảng 64.012 người chiếm khoảng 63,2% dân số toàn thành phố, trong đó lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 51.745 người; có trên 90% lao động đang làm việc trong các ngành công nghiệp, kinh doanh, thương mại dịch vụ. Cơ cấu lao động theo ngành chuyển dịch theo xu hướng tích cực, tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm dần, lao động công nghiệp và dịch vụ ngày càng tăng cao.

- Thông qua các kênh giới thiệu việc làm, cho vay vốn theo gói kích cầu của Chính phủ và trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của các thành phần kinh tế, hàng năm thành phố giải quyết được việc làm cho khoảng 1.520 - 1.850 lao động. Từ năm 2015 đến nay đã giải quyết chế độ ưu đãi cho hơn 7.000 hồ sơ người có công và bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp một lần và hàng tháng; quản lý chi trả trợ cấp hàng tháng đối với hơn 5000 người với số tiền gần 5 tỷ đồng/tháng. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đã thực hiện tốt công tác vận động lập hồ sơ và đưa người nghiện đi cai nghiện bắt buộc, bước đầu đã vượt kế hoạch đề ra.

- Trong những năm qua, công tác giảm nghèo được quan tâm thực hiện tốt, kết hợp giữa việc giải quyết tốt chính sách của Nhà nước đối với hộ nghèo, cận nghèo và vận động xã hội hóa công tác giảm nghèo nhằm cùng với nhà nước chung tay góp phần giảm nghèo, do đó tỷ lệ giảm nghèo hàng năm của thành phố đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Từ năm 2015 đến nay đã giảm 233 hộ nghèo, tương ứng giảm 4,2% năm 2015 xuống còn 2,76% đầu năm 2019. Phần đầu đến cuối năm 2022, tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 0,1% và không còn hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt dự kiến đạt trên 72% cuối năm 2022.

1.5. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

1.5.1. Phát triển kinh tế

- Về nông nghiệp

+ Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2022 thực hiện 2179,6 ha bằng 97,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích lúa thực hiện 1878,6 ha, giảm 63,7 ha và bằng 96,7% so với cùng kỳ năm trước; đạt 98,8% kế hoạch năm. Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông Xuân 2021-2022 thực hiện 1138,8 ha, giảm 32,3 ha bằng 97,2% so với vụ Đông Xuân năm trước, trong đó diện tích lúa 973,9 ha giảm 27,9 ha bằng 97,2% so với vụ Đông Xuân năm trước và bằng 97,4% kế hoạch. Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Hè Thu 2022 thực hiện 1040,9 ha, bằng 98,1% so với vụ Hè Thu năm trước; trong đó diện tích lúa 904,7 ha giảm 35,8 ha bằng 96,2% so với vụ Hè Thu năm trước. Diện tích gieo trồng cây thực phẩm rau màu và hoa các loại năm 2022 thực hiện 301 ha, tăng 10,9 ha và bằng 103,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chủ yếu là rau các loại 228,9 ha, tăng 9,5 ha, bằng 104,3% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, các phường, HTX đang chuẩn bị các điều kiện để bước vào sản xuất vụ sản xuất Đông Xuân 2022-2023, tập trung sản xuất rau các loại và hoa phục vụ cho nhu cầu Tết Nguyên đán Quý Mão 2023. Tính đến cuối tháng 10/2022, THT sản

xuất hoa An Lạc hoàn thành việc xuống giống cho vụ hoa tết với hơn 20.000 chậu giống hoa cúc các loại, các loại hoa khác khoảng 30.000 chậu (gồm đồng tiền, dạ yên thảo, lily, hoa hồng, thực dược và các loại hoa khác...). Thành phố đang triển khai mô hình hoa mới - hoa tuyết cầu với 5.000 cây giống. Bên cạnh đó, tiến hành triển khai danh mục đầu tư các công trình, hạng mục sử dụng nguồn vốn đề án năm 2022 đảm bảo hiệu quả.

+ Tổng sản lượng tôm khai thác vụ chính trên địa bàn thành phố ước đạt 80 tấn, doanh thu ước đạt 08 tỷ, lợi nhuận 2,4 tỷ. Diện tích tôm trái vụ hiện đang thả 36 ha, với 17 triệu post.

+ Tình hình chăn nuôi đang diễn biến ổn định, không phát sinh dịch trên đối tượng chăn nuôi.

Chỉ đạo hoàn thiện thi công các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2022 gồm: Xây dựng trạm bơm HTX Lập Thạch, xây dựng kênh mương HTX Vân An, nạo vét Hói Phú Lễ đoạn còn lại, nâng cấp, sửa chữa đập ngăn mặn lạng Phước, xây dựng trạm bơm HTX Đông Thanh, xây dựng kênh tưới Đồng Hoang, HTX Đông Giang 2. Chỉ đạo rà soát, đề xuất danh mục các công trình bố trí vốn đầu tư công và vốn SNKT có tính chất đầu tư chuẩn bị đầu tư năm 2023 để triển khai thực hiện; trong đó 01 công trình nạo vét Hói Phú Lễ đoạn còn lại đã nghiệm thu hoàn thành công trình, các công trình còn lại đang hoàn thiện.

- Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Trong tháng 10, các cơ sở, doanh nghiệp tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất và có bước phát triển. Tuy nhiên, một số cơ sở giảm sản lượng do thời tiết bước vào mùa mưa bão như: Sản xuất và phân phối điện, nước đá, nước lọc, sản xuất thực phẩm, cơ khí và may mặc... Giá cả các yếu tố đầu vào cho sản xuất trong tháng 10 vẫn giữ mức ổn định. Hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn nhìn chung được duy trì ổn định. Ước tính GTSX công nghiệp tháng 10/2022 thực hiện 88.680 triệu đồng, bằng 114,4% so với tháng cùng kỳ năm trước; Ước tính giá trị sản xuất công nghiệp cả thể 10 tháng năm 2022 thực hiện 989.535 triệu đồng bằng 111,3% so với cùng kỳ năm trước.

- Về thương mại - dịch vụ

Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trong tháng 10 tiếp tục có bước phát triển khá; giá hàng hoá tăng nhẹ do ảnh hưởng thời tiết, giá xăng dầu giảm, các thực phẩm tươi sống và rau củ quả tăng nhẹ. Hoạt động kinh doanh tại các chợ, các siêu thị, các trục phố ổn định, đáp ứng nhu cầu mua sắm, tiêu dùng của nhân dân. Chợ Đông Hà hoạt động ổn định, tiếp tục duy trì trật tự kinh doanh đúng quy hoạch ngành hàng và xây dựng văn minh thương mại. Thành phố đã tổ chức các đoàn đi thăm chúc mừng các doanh nghiệp nhân kỷ niệm Ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10 để động viên các doanh nghiệp, doanh nhân phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2022. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tháng 10 thực hiện 2.963 tỷ đồng; ước tính 10

tháng thực hiện 32.227 tỷ đồng, tăng 13.8% so với cùng kỳ năm trước và đạt 84% kế hoạch năm.

- Huy động các nguồn vốn đầu tư

+ Tổng thu ngân sách địa phương năm 2022 (tính đến thời điểm 20/10/2022) đạt: 885.059 triệu đồng, đạt 161,85% dự toán HĐND tỉnh giao, 127,93% dự toán HĐND thành phố giao. Trong đó: tổng thu ngân sách trên địa bàn là: 541.337 triệu đồng, đạt 100,43% dự toán HĐND tỉnh giao, 79,14% dự toán HĐND thành phố giao. Trong đó, thu tiền sử dụng đất đạt 196.761 triệu đồng (đạt 70,27% kế hoạch) bao gồm, thu đấu giá quyền SDD đã thu vào ngân sách 159.145 triệu đồng (đạt 66,63% kế hoạch); thu chuyển mục đích, cấp đất mới: 37.616 triệu đồng (đạt 125,39% kế hoạch).

+ UBND thành phố đã tích cực chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, giải ngân nguồn vốn khi có khối lượng. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 được phân bổ đến thời điểm 20/10/2022 là 325.651 triệu đồng (Ngân sách Trung ương: 16.500 triệu đồng, Ngân sách tỉnh quản lý: 57.225 triệu đồng, Ngân sách thành phố quản lý là: 251.926 triệu đồng). Kết quả giải ngân vốn đầu tư công đến 20/10/2022 đạt 160,985/325.651 triệu đồng (đạt 49,43%); trong đó: Ngân sách Trung ương: 16.500/16.500 triệu đồng (đạt 100%); Ngân sách tỉnh quản lý: 48.959/57.225 triệu đồng (đạt 85,5%); Ngân sách thành phố quản lý là: 95,256/251.926 triệu đồng (đạt 37,81%).

1.5.2. Văn hóa - xã hội

- Giáo dục và đào tạo: Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục và đào tạo thành phố giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030. Chỉ đạo thực hiện các chuyên đề cấp thành phố, tỉnh; tổ chức hội thi Giáo viên dạy giỏi THCS cấp thành phố năm học 2022-2023; tổ chức tuần lễ "Học tập suốt đời" tại các đơn vị trường học. Tăng cường kiểm tra công tác quản lý và thực hiện kỷ cương, nền nếp chuyên môn, công tác thu chi đầu năm học và kiểm tra chuyên đề tại các trường học. Chỉ đạo công tác điều tra phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2022. Công tác giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên được quan tâm; tổ chức các lớp nghề cho người lao động theo kế hoạch.

- Văn hóa thông tin, thể dục thể thao: Chỉ đạo tổ chức Hội nghị lấy ý kiến các nhóm nhạc, ban nhạc, câu lạc bộ văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, nhóm dân vũ, CLB Zumba, aerobic về tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, sinh hoạt cộng đồng tại các địa điểm công cộng trên địa bàn thành phố; kết quả các Câu lạc bộ, nhóm nhạc đều hưởng ứng nhiệt tình và thống nhất cao với đề án của thành phố. Chỉ đạo triển khai Kế hoạch số 17/KH-BCĐ ngày 13/10/2022 của Ban Chỉ đạo xây dựng đô thị văn minh, tuyến phố văn minh đô thị thành phố về việc kiểm tra đánh giá chất lượng và xét công nhận tuyến phố văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Đông Hà năm 2022. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, gắn với xây dựng đô thị thông

minh năm 2022. Công tác truyền thanh tiếp tục được chú trọng, các thông tin chính trị, thời sự được phản ánh kịp thời, phục vụ nhu cầu của người dân.

- Y tế, kế hoạch hóa gia đình: Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh cho Nhân dân. Tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể trên địa bàn. Tiếp tục triển khai công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Tiếp tục tổ chức tiêm vắc xin phòng Covid-19 liều bổ sung, liều nhắc lại cho những người đủ thời gian theo quy định; triển khai tháng cao điểm tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho trẻ em, học sinh, cán bộ, giáo viên, người lao động trong các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn thành phố. Tích cực triển khai các biện pháp phòng, chống Sốt xuất huyết nhằm khoanh vùng, dập tắt các ổ dịch, hạn chế kéo dài và lây lan ra diện rộng. Tổ chức triển khai thực hiện các chương trình y tế như: Chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình, tiêm chủng mở rộng, y tế trường học, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm... Tăng cường công tác truyền thông phát động cuộc thi “Sống chủ động - cùng viết nên câu chuyện ngày mai” nhân Ngày Tránh thai thế giới 26/9.

- An sinh xã hội, lao động việc làm, xóa đói giảm nghèo, công tác trẻ em, bình đẳng giới: Công tác an sinh xã hội được tập trung thực hiện; lập thủ tục chi trả tiền trợ cấp các loại và thực hiện rà soát, cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng và các chế độ liên quan đến các đối tượng chính sách. Thực hiện tốt công tác bảo trợ xã hội; quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, điều chỉnh trợ cấp, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, trợ cấp mai táng phí, lập thủ tục chi trả theo đúng quy định. Công tác lao động việc làm được tập trung chỉ đạo; thực hiện cấp thẻ bảo hiểm y tế đảm bảo cho các đối tượng theo đúng quy định. Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình mục tiêu giảm nghèo tại UBND các phường 1, 5, Đông Giang, Đông Lễ, Đông Lương; tổng hợp và ban hành thông báo kết quả kiểm tra Chương trình mục tiêu giảm nghèo đối với UBND các phường, theo đó số hộ nghèo, hộ cận nghèo được kiểm tra 147 hộ, trong đó: 01 hộ nghèo, 116 hộ cận nghèo.

1.6. Nhận xét chung

1.6.1. Thuận lợi

- Thành phố Đông Hà có vị trí địa lý thuận lợi, là trung tâm chính trị, kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hoá của tỉnh Quảng Trị, tạo cho thành phố Đông Hà có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội.

- Có địa hình đa dạng, kết cấu địa chất ổn định, khí hậu phù hợp phát triển một một đô thị hiện đại.

- Các khu điểm dịch vụ vui chơi, du lịch nghỉ dưỡng đã và được tỉnh, thành phố quan tâm quy hoạch, đầu tư phát triển, ngày càng được khai thác có hiệu quả làm thay đổi bộ mặt kinh tế của thành phố.

- Cơ chế chính sách đầu tư có nhiều thay đổi theo hướng thông thoáng, cởi mở hơn và được sự quan tâm của trung ương, của tỉnh trong việc thực hiện các

công trình đầu tư tại địa phương, đặc biệt là trong các lĩnh vực giao thông, hạ tầng văn hoá phúc lợi công cộng.

- Các lĩnh vực văn hóa - xã hội được quan tâm đầu tư nhiều, đời sống nhân dân được cải thiện, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, an ninh quốc phòng được giữ vững.

1.6.2. Những khó khăn, hạn chế

- Điều kiện tự nhiên, khí hậu khắc nghiệt, tài nguyên khoáng sản hầu như không có; xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư phát triển.

- Địa hình không bằng phẳng, có độ dốc lớn, đất dễ bị thoái hoá rửa trôi, xói mòn (khu vực cao thì khan hiếm nước, khu vực thấp thì dễ bị ngập úng) khó khăn cho canh tác nông nghiệp, đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở.

- Nguồn nước khá phong phú, tuy nhiên chất lượng nước kém (nguồn nước ngầm khó sử dụng, nhiễm phèn; nguồn nước mặt thường bị nhiễm mặn vào mùa khô) làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn chậm. Khu vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chưa có bước đột phá trong việc đầu tư công nghệ, trang thiết bị dẫn đến chất lượng, hiệu quả trong sản xuất còn thấp. Các dự án đầu tư nước ngoài vào thành phố so với các đô thị khác trong nước còn ít, đặc biệt là không có những dự án có số vốn đầu tư lớn.

- Tiến độ quy hoạch, thực hiện quy hoạch một số khu đô thị còn chậm; thực hiện đầu tư theo quy hoạch chưa đồng bộ; hệ thống công viên cây xanh, thể thao, du lịch... còn thiếu so với sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và công tác quản lý đô thị còn bộc lộ nhiều bất cập.

Tóm lại, những năm gần đây kinh tế - xã hội của thành phố Đông Hà đã có những bước chuyển dịch đáng kể, có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân đã được cải thiện; các chương trình hỗ trợ của Đảng và Nhà nước đã thực sự đi vào cuộc sống làm thay đổi bộ mặt của các khu phố. Vấn đề đặt ra là trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhất là đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp ngày càng lớn và sẽ gia tăng trong những năm tới. Từ nay đến năm 2030 việc khai thác sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, theo hướng khoa học, mang lại hiệu quả kinh tế cao là một yêu cầu bức thiết cần được xem xét nghiêm túc và đó là công tác quy hoạch sử dụng đất của thành phố.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

2.1.1. Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất của thành phố Đông Hà đến hết năm 2022, được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 2.1. Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất thành phố Đông Hà năm 2022

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2021 (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Kết quả thực hiện		
						Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)=(7)-(4)	(9)=(8)/(6)*100
I	Tổng diện tích tự nhiên		7.308,53	7.308,53	0,00	7.308,53	0,00	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.835,57	3.576,93	-258,64	3.928,18	92,60	35,80
	<i>Trong đó:</i>							
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.016,62	907,90	-108,72	1.045,41	28,79	26,48
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1.008,51</i>	<i>904,90</i>	<i>-103,61</i>	<i>1.035,62</i>	<i>27,11</i>	<i>26,17</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	405,78	356,46	-49,32	443,16	37,38	75,79
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8,81	7,26	-1,55	13,03	4,22	36,72
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	75,91	72,91	-3,00	76,05	0,14	4,80
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.192,76	2.098,16	-94,61	2.209,11	16,35	17,28
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	113,33	102,78	-10,55	119,05	5,72	54,25
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	22,36	31,46	9,10	22,36	0,00	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.214,39	3.487,84	273,45	3.110,17	-104,22	38,11
	<i>Trong đó:</i>							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	116,10	126,20	10,10	116,10	0,00	0,00
2.2	Đất an ninh	CAN	27,01	27,01	0,00	27,01	0,00	100,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	98,75	98,75	0,00	80,95	-17,80	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	21,74	21,74	0,00	17,94	-3,80	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	77,39	114,17	36,78	89,82	12,43	33,80
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	12,07	16,32	4,25	14,79	2,72	63,95
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,53	0,53	0,00	0,53	0,00	100,00
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.350,58	1.493,92	143,34	1.323,18	-27,40	19,12
	<i>Trong đó:</i>							
-	Đất giao thông	DGT	738,21	858,54	120,33	719,69	-18,52	15,39
-	Đất thủy lợi	DTL	102,27	101,04	-1,23	99,52	-2,75	44,66
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,00	4,00	0,00	4,04	0,04	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	27,96	35,88	7,92	28,59	0,63	8,01

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2021 (ha)	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Kết quả thực hiện		
						Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	84,14	86,23	2,09	85,91	1,77	84,66
-	Đất XD cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,99	15,91	-0,08	15,96	-0,03	41,08
-	Đất công trình năng lượng	DNL	4,59	5,25	0,66	4,67	0,08	11,37
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,30	1,30	0,00	1,30	0,00	100,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-	-	-	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,35	1,86	1,51	0,35	0,00	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	29,81	29,81	0,00	27,08	-2,73	0,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	14,02	14,22	0,20	14,03	0,01	3,23
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	319,48	328,42	8,94	314,46	-5,02	56,17
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-	-	-	-	-
-	Đất XD cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,07	0,07	0,00	0,07	0,00	100,00
-	Đất chợ	DCH	8,39	11,39	3,00	7,53	-0,86	28,58
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,77	12,73	-0,04	12,57	-0,20	19,75
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	45,26	63,59	18,33	51,66	6,40	34,89
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	839,96	902,26	62,30	762,68	-77,28	80,62
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	40,31	42,20	1,89	40,29	-0,02	1,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	16,83	16,83	0,00	17,87	1,04	106,19
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	16,02	15,63	-0,39	15,94	-0,08	21,40
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	381,35	380,79	-0,56	381,45	0,10	17,31
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	157,59	155,04	-2,55	157,26	-0,33	12,84
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,13	0,00	0,13	0,00	100,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	258,57	243,76	-14,81	270,18	11,61	78,42

- Đất nông nghiệp

Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 3.576,93 ha, giảm 258,64 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện là 92,60 ha, đạt 35,80% so với kế hoạch. Cụ thể:

+ Đất trồng lúa: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 907,90 ha, giảm 108,72 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 28,79 ha, đạt 26,48% so với kế hoạch.

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 356,46 ha, giảm 49,32 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 37,38 ha, đạt 75,79% so với kế hoạch.

+ Đất trồng cây lâu năm: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 7,26 ha, giảm 1,55 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 4,22 ha, đạt 36,72% so với kế hoạch.

+ Đất rừng phòng hộ: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 72,91 ha, giảm 3,00 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 0,14 ha, đạt 4,80% so với kế hoạch.

+ Đất rừng sản xuất: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 2.098,16 ha, giảm 94,61 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 16,35 ha, đạt 17,28% so với kế hoạch.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 102,78 ha, giảm 10,55 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 5,72 ha, đạt 54,25% so với kế hoạch.

+ Đất nông nghiệp khác: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 31,46 ha, tăng 9,10 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 0,00 ha, không đạt so với kế hoạch.

Một số chỉ tiêu đất nông nghiệp đạt tỷ lệ còn thấp, do trong năm 2022 đất nông nghiệp theo chỉ tiêu giảm 258,64 ha. Tuy nhiên, trong năm 2022 chỉ thực hiện được 92,60 ha, do đó chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

- Đất phi nông nghiệp

Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 3.487,84 ha, tăng 273,45 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện là 104,22 ha, đạt 38,11% so với kế hoạch. Cụ thể:

+ Đất quốc phòng: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 126,20 ha, tăng 10,10 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 0,00 ha, không đạt so với kế hoạch.

+ Đất an ninh: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 27,01 ha. Trong năm kế hoạch đất an ninh không biến động diện tích giữ nguyên hiện trạng là 27,01 ha.

+ Đất khu công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 98,75 ha, so với năm 2021 không có sự biến động, kết quả thực hiện giảm 17,80 ha, không đạt so với kế hoạch.

+ Đất cụm công nghiệp: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 21,74 ha, so với năm 2021 không có sự biến động, kết quả thực hiện giảm 3,80 ha, không đạt so với kế hoạch.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Kế hoạch được duyệt năm 2022 là 114,17 ha, tăng 36,78 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 12,43 ha, đạt 33,80% so với kế hoạch.

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 16,32 ha, tăng 4,25 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện 2,72 ha, đạt 63,95% so với kế hoạch.

+ Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 0,53 ha. Trong năm kế hoạch đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm không biến động diện tích giữ nguyên hiện trạng là 0,53 ha.

+ Đất phát triển hạ tầng: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 1.493,92 ha, tăng 143,34 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện giảm 27,40 ha, đạt 19,12% so với kế hoạch.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 12,73 ha, giảm 0,04 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện giảm 0,20 ha, đạt 19,75% so với kế hoạch.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 63,59 ha, tăng 18,33 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện là 6,40 ha, đạt 34,89% so với kế hoạch.

+ Đất ở tại đô thị: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 902,26 ha, tăng 62,30 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện giảm 77,28 ha, đạt 80,62% so với kế hoạch.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 42,20 ha, tăng 1,89 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện giảm 0,02 ha, đạt 1,07% so với kế hoạch.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 16,83 ha, so với năm 2021 không có sự biến động, kết quả thực hiện 1,04 ha, đạt 106,19% so với kế hoạch.

+ Đất tín ngưỡng: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 15,63 ha, giảm 0,39 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện giảm 0,08 ha, đạt 21,40% so với kế hoạch.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 380,79 ha, giảm 0,56 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện là 0,10 ha, đạt 17,31% so với kế hoạch.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 155,04 ha, giảm 2,55 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện giảm 0,33 ha, đạt 12,84% so với kế hoạch.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 0,13 ha. Trong năm kế hoạch đất phi nông nghiệp không có sự biến động diện tích giữ nguyên hiện trạng là 0,13 ha.

Một số chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đạt tỷ lệ thấp, do kế hoạch năm 2022 đất phi nông nghiệp chỉ tiêu tăng 273,45 ha. Tuy nhiên, trong năm 2022 chỉ thực hiện được 104,22 ha, chỉ tiêu còn lại chưa thực hiện là 169,23 ha do một số công trình trọng điểm của tỉnh, công trình trình thu hút đầu tư đưa vào kế hoạch trong năm 2022 nhưng chưa thực hiện, cụ thể: Các công trình trọng điểm của tỉnh: Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây - giai đoạn 1; Đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà; Khu đô thị Tân Vĩnh ... và các công trình thu hút đầu tư: Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 (Sở Xây dựng); Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà; Khu đô thị HaWee Part Lanh; Khu đô thị mới Phường 2; Bệnh viện đa khoa TTH Đông Hà Khu đô thị Thuận Châu...

- Đất chưa sử dụng

+ Kế hoạch năm 2022 được duyệt là 243,76 ha, giảm 14,81 ha so với năm 2021, kết quả thực hiện là 11,61 ha, đạt 78,42% so với kế hoạch.

+ Năm 2022, thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị, UBND thành phố Đông Hà đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các phường tiến hành rà soát, thống kê quỹ đất do UBND phường quản lý (BCS), để tiến hành đo đạc, cắm mốc, rà soát quy hoạch và đưa vào sử dụng đối với quỹ đất này. Đây là một trong những nội dung quan trọng, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố, tránh tình trạng người dân lấn chiếm, sử dụng quỹ đất này không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn chưa đạt được kết quả so với kế hoạch đề ra.

2.1.2. Kết quả thực hiện các công trình, dự án năm 2022

Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Đông Hà được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 21/01/2022, với 112 công trình, dự án; phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 07/4/2022, với 02 công trình, dự án; phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 02/6/2022, với 18 công trình, dự án. Như vậy, Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Đông Hà có 132 danh mục dự án được phê duyệt, Cụ thể:

- Có 40 dự án đưa ra khỏi kế hoạch, trong đó:

+ 32 dự án đã hoàn thành công tác GPMB;

+ 03 dự án đưa ra khỏi kế hoạch (01 dự án do giãn tiến độ dự án đến 2025-2027 và 01 dự án do Điều chỉnh kết thúc dự án theo chủ trương của UBND thành phố; 01 dự án quá 03 năm không thực hiện);

+ 01 dự án chưa được bố trí vốn;

+ 01 dự án chưa thống nhất được vị trí và quy mô diện tích;

+ 03 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt bổ sung tại Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 02/6/2022.

(Có danh mục kèm theo tại Phụ biểu số 01)

- Có 24 dự án quá 03 năm hiện đang triển khai thực hiện tiếp tục chuyển sang thực hiện trong năm kế hoạch 2023.

(Có danh mục kèm theo tại Phụ biểu số 02)

- Có 68 công trình trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện được theo đúng kế hoạch, chỉ mới thực hiện một phần và bắt đầu triển khai công tác GPMB chuyển sang thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Nguyên nhân chủ yếu là do công tác GPMB phức tạp, còn gặp khó khăn, vướng mắc và thường thực hiện giải phóng mặt bằng kéo dài trong nhiều năm, vì vậy trong năm kế hoạch không thực hiện đúng 100% như kế hoạch đề ra.

(Có danh mục kèm theo tại Phụ biểu số 03)

2.1.3. Kết quả thực hiện chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

Theo quy hoạch được duyệt đến năm 2030 của thành phố Đông Hà tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 27/4/2021, thì chỉ tiêu chuyển mục đích sử

dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đến năm 2030 là 29,74 ha. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất đến năm 2022 là 3,21 ha (trong đó: năm 2021 là 2,04 ha, năm 2022 là 1,17 ha), diện tích còn lại chưa thực hiện chuyển mục đích là 26,53 ha.

Bảng 2.2. Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

TT	Tên đơn vị hành chính	Chỉ tiêu QHSD đất đến năm 2030 được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện năm 2021 (ha)	Kết quả thực hiện năm 2022 (ha)	Chỉ tiêu chưa thực hiện (ha)
1	Phường 1	1,70	0,05	0,12	1,53
2	Phường 2	2,82	0,07	0,15	2,60
3	Phường 3	3,00	0,04	0,10	2,86
4	Phường 4	2,32	0,04	0,07	2,21
5	Phường 5	1,00	0,4	0,15	0,45
6	Phường Đông Thanh	3.49	0,12	0,04	3,33
7	Phường Đông Giang	7,57	0,26	0,14	7,17
8	Phường Đông Lễ	2,33	0,18	0,11	2,05
9	Phường Đông Lương	5,51	0.88	0,29	4,34
	Cộng	29,74	2,04	1,17	26,53

Tóm lại: Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, kế hoạch sử dụng đất đã có những tác động tích cực như sau:

- Nhìn chung, việc chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố đã theo sát và về cơ bản đạt được các chỉ tiêu do tỉnh phê duyệt. Quá trình sử dụng đất dựa trên những quan điểm khai thác, sử dụng hợp lý, có hiệu quả, tiết kiệm quỹ đất và bảo vệ chống thoái hoá đất, đáp ứng được các yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2025.

- Công tác quản lý đất đai theo kế hoạch sử dụng đất ngày càng chặt chẽ, góp phần tích cực vào việc sử dụng đất hợp lý và có hiệu quả.

- Nhận thức về vị trí, vai trò của công tác lập kế hoạch sử dụng đất và ý thức chấp hành kế hoạch sử dụng đất của các cấp chính quyền đã được nâng lên, việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

- Thông qua kế hoạch sử dụng đất đã phát huy tính dân chủ, công khai, giảm được tiêu cực trong công tác quản lý đất đai. Công tác lập kế hoạch sử dụng đất trở thành một trong những công cụ quan trọng của các cấp chính quyền

để quản lý, sử dụng và chỉ đạo khai thác đất đai có hiệu quả hơn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã góp phần phần vào sự phát triển kinh tế xã hội, đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, xây dựng khu đô thị mới, mở rộng không gian đô thị, về cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển đưa thành phố Đông Hà đạt đô thị loại II.

2.2. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

- Công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 còn có những hạn chế nhất định, chưa dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho các mục đích sử dụng, nhất là đất cho các công trình dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, dự án đầu tư phát triển các khu đô thị mới, dự án giao thông có vốn đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất (như dự án: Chinh trang đô thị khu vực trung tâm thành phố Đông Hà; Khu đô thị Tân Vĩnh; Dự án GPMB để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Q lộ 9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến Q lộ 1, ...).

- Kế hoạch sử dụng đất được lập cho một năm nên chỉ phản ánh được nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch mà không đảm bảo được tính khả thi của các dự án đăng ký thực hiện do không thể chủ động nắm bắt được khả năng về vốn của chủ đầu tư, đặc biệt là những dự án có nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách, dẫn đến tính khả thi chưa cao. Nhiều công trình, dự án đăng ký thực hiện nhưng do không có vốn hoặc chậm làm thủ tục nên chưa triển khai thực hiện được theo Kế hoạch sử dụng đất đã duyệt.

- Chính sách đầu tư, chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vẫn còn những tồn tại nhất định, dẫn tới thời gian triển khai các dự án phải kéo dài.

- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội những năm qua gặp nhiều khó khăn đã tác động lớn đến việc thực hiện kế hoạch và thu hút đầu tư trên địa bàn.

- Công tác dự báo nhu cầu và xác định danh mục các công trình, dự án đầu tư đưa vào kế hoạch, nhất là các dự án sử dụng vào mục đích kinh doanh, thương mại thường không thể chính xác và luôn có sự thay đổi theo nhu cầu thị trường và chủ đầu tư dự án nên kế hoạch sử dụng đất phải điều chỉnh làm kéo dài thời gian lập và hoàn chỉnh hồ sơ.

- Việc chấp hành kế hoạch sử dụng đất trong nhiều trường hợp chưa nghiêm. Tình trạng người sử dụng đất vi phạm kế hoạch sử dụng đất vẫn còn xảy ra.

2.3. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn do biến động của giá đất trên thị trường dẫn đến người sử dụng đất có đất bị thu hồi không đồng ý với giá bồi thường của nhà nước đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án. Mặt khác, các dự án đan xen giữa dự án nhà nước thu hồi đất và

dự án nhà đầu tư tự thỏa thuận thu hồi đất dẫn đến chênh lệch về giá bồi thường cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với các dự án thu hồi theo Điều 61, Điều 62 Luật Đất đai 2013.

- Thiếu các giải pháp khả thi để thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt, đặc biệt là do không cân đối đủ nguồn vốn bố trí cho các công trình dự án thực hiện trong năm kế hoạch và công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất gặp nhiều khó khăn, tiến độ triển khai chậm.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các cơ quan, đơn vị nhiều trường hợp còn chủ quan, không tiên lượng được khả năng đảm bảo nguồn vốn cho công trình dự án, nên nhiều công trình dự án đã có trong danh mục kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt nhưng không có khả năng thực hiện.

- Do mới phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19, cũng như sự biến động của thị trường như vật liệu khan hiếm, giá cả tăng cao đã làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất, do đó phải lùi tiến độ thực hiện.

III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở phương án quy hoạch sử dụng đất thành phố Đông Hà đến năm 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố 05 năm 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố năm 2023 và tiềm năng đất đai hiện có, chỉ tiêu sử dụng đất thành phố Đông Hà năm 2023 như sau:

Bảng 3.1. Chỉ tiêu các loại đất thành phố Đông Hà năm 2023

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
I	Tổng diện tích tự nhiên		7.308,53	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.717,27	50,86
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	958,03	13,11
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>953,84</i>	<i>13,05</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	409,75	5,61
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10,87	0,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	76,05	1,04
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	2.113,23	28,91
	<i>Trong đó: Đất có rừng SX là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>-</i>	<i>0,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	117,87	1,61
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	31,46	0,43
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.327,69	45,53
	<i>Trong đó:</i>			
2.1	Đất quốc phòng	CQP	116,10	1,59

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
2.2	Đất an ninh	CAN	27,01	0,37
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	80,95	1,11
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	18,39	0,25
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	98,43	1,35
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	14,79	0,20
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	23,54	0,32
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	1.430,98	19,58
	<i>Trong đó:</i>			
-	Đất giao thông	DGT	820,70	11,23
-	Đất thủy lợi	DTL	97,05	1,33
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	4,02	0,05
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	33,51	0,46
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	86,60	1,18
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,96	0,22
-	Đất công trình năng lượng	DNL	5,12	0,07
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,30	0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG	-	-
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,35	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	27,08	0,37
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	14,03	0,19
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	315,43	4,32
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	-	-
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,07	0,00
-	Đất chợ	DCH	9,77	0,13
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,53	0,17
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	83,50	1,14
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	817,29	11,18
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	40,90	0,56
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,87	0,24
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	15,86	0,22
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	381,14	5,21
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	148,28	2,03
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,13	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	263,57	3,61

3.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực

3.2.1. Đất nông nghiệp

- Tiếp tục phát triển các mô hình đầu tư thâm canh, đa dạng các loại cây trồng, lựa chọn giống mới năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt; đầu tư phát triển các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản ở các vùng chuyên canh.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, diện tích đất nông nghiệp là 3.717,27 ha, chiếm 50,86% diện tích tự nhiên, diện tích giảm 210,91 ha so với năm 2022, cụ thể:

3.2.1.1. Đất trồng lúa

Năm 2023, diện tích trồng lúa là 958,03 ha; trong năm diện tích đất trồng lúa không được khai thác mở rộng thêm, chỉ tập trung thâm canh, tăng vụ. Ngược lại, sẽ giảm 87,38 ha để phục vụ cho các dự án phát triển nhà ở đô thị; xây dựng cơ sở hạ tầng, các khu đô thị mới.

3.2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác

Năm 2023, diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 409,75 ha; trong năm kế hoạch tiếp tục đầu tư thâm canh hoa, rau, màu nông nghiệp công nghệ cao; giữ ổn định diện tích trồng các loại cây hàng năm hiệu quả cao trên các cánh đồng. Năm 2023, dự kiến chuyển 33,41 ha đất cây hàng năm sang sử dụng cho các mục đích khác, trong đó các hộ gia đình cá nhân xin chuyển mục đích tại các thửa đất ở của các hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thành phố 10,14 ha.

3.2.1.3. Đất trồng cây lâu năm

Năm 2023, diện tích đất trồng cây lâu năm là 10,87 ha, trong năm kế hoạch đất trồng cây lâu năm không được khai thác mở rộng thêm, ngược lại bị giảm 2,16 ha, do chuyển sang các mục đích phát triển đô thị và đầu tư xây dựng hạ tầng, phúc lợi công cộng phục vụ nhân dân.

3.2.1.4. Đất rừng phòng hộ

Diện tích hiện trạng sử dụng đất trong năm 2022 là 76,05 ha. Năm 2023, đất rừng phòng hộ không có sự biến động, diện tích giữ nguyên hiện trạng là 76,05 ha.

3.2.1.5. Đất rừng sản xuất

Năm 2023, diện tích đất rừng sản xuất là 2.113,23 ha, trong năm chuyển 95,88 ha sang sử dụng cho các mục đích khác, chủ yếu là chuyển sang mục đích phi nông nghiệp (Nâng cấp, mở rộng các đường giao thông; xây dựng các khu đô thị, khu dân dân cư mới ...).

3.2.1.6. Đất nuôi trồng thủy sản

Năm 2023, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 117,87 ha, trong năm kế hoạch đất nuôi trồng thủy sản không được khai thác mở rộng thêm, ngược lại bị giảm 1,18 ha, do chuyển sang các mục đích phát triển đô thị và đầu tư xây dựng hạ tầng, phúc lợi công cộng phục vụ nhân dân.

3.2.1.7. Đất nông nghiệp khác

Năm 2023, diện tích đất nông nghiệp khác là 31,46 ha, tăng 9,10 ha so với năm 2022 để Xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp công nghệ cao tại Phường 4 (chuyển mục đích sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp).

3.2.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2023, diện tích đất phi nông nghiệp là 3.327,69 ha, chiếm 45,53% diện tích tự nhiên, tăng 217,52 ha so với năm 2022, trong đó:

3.2.2.1. Đất quốc phòng

Năm 2023, diện tích đất quốc phòng là 116,10 ha, trong năm kế hoạch đất quốc phòng không có sự biến động, diện tích giữ nguyên hiện trạng.

3.2.2.2. Đất an ninh

Năm 2023, diện tích đất an ninh là 27,01 ha, trong năm kế hoạch đất an ninh không có sự biến động.

3.2.2.3. Đất khu công nghiệp

Năm 2023, diện tích đất khu công nghiệp là 80,95 ha, trong năm kế hoạch đất khu công nghiệp không có sự biến động.

3.2.2.4. Đất cụm công nghiệp

Năm 2023, diện tích đất cụm công nghiệp là 18,39 ha, tăng 0,45 ha, do thu hồi đất trồng cây hàng năm khác 0,04 ha; đất rừng sản xuất 0,41 ha, để xây dựng cụm công nghiệp 9D.

3.2.2.5. Đất thương mại, dịch vụ

Năm 2023, diện tích đất thương mại, dịch vụ là 98,43 ha, tăng 8,60 ha. Trong đó, thu hồi 1,69 ha đất thương mại, dịch vụ để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 10,29 ha (trong đó: Đất trồng lúa 4,27 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,80 ha; đất rừng sản xuất 2,88 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,50 ha; đất giao thông 0,45 ha; đất thủy lợi 0,05 ha; đất nghĩa địa 0,36 ha; đất ở tại đô thị 0,45 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 0,43 ha; đất chưa sử dụng 0,10 ha) để xây dựng các khu thương mại, dịch vụ, cụ thể:

- Thu hồi 1,90 ha đất thực hiện Dự án khu sinh thái hồ Méc tại Phường 2.
- Thu hồi 0,25 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ khu đô thị mới Phường 2.
- Thu hồi 0,94 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.
- Thu hồi 4,58 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 2,14 ha đất xây dựng các hạng mục liên quan đến thương mại, dịch vụ khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.
- Thu hồi 0,50 ha đất Xây dựng lò giết mổ gia súc tập trung do Trung tâm KC&DV công ích thành phố làm chủ đầu tư.

3.2.2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Năm 2023, diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 14,79 ha, trong năm kế hoạch đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp không có sự biến động.

3.2.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Năm 2023, diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 23,54 ha, tăng 23,01 ha, do chuyển mục đích từ đất rừng sang để khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Đông Lương thuộc phường Đông Lương.

3.2.2.8. Đất phát triển hạ tầng

a. Đất giao thông

Năm 2023, diện tích đất giao thông là 820,70 ha, tăng 101,01 ha. Trong đó, thu hồi 5,85 ha đất giao thông để thực hiện các công trình trên địa bàn thành phố; thu hồi 106,86 ha (trong đó: Đất trồng lúa 55,75 ha; đất trồng cây hàng năm khác 12,63 ha; đất trồng cây lâu năm 0,88 ha; đất rừng sản xuất 16,35 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,31 ha; đất thương mại dịch vụ 1,52 ha; đất thủy lợi 4,01 ha; đất nghĩa địa 1,22 ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng 0,07 ha; đất ở tại đô thị 10,70 ha; đất tín ngưỡng 0,03 ha; đất sông suối 0,12 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 2,26 ha; đất chưa sử dụng 1,01 ha) để xây dựng các công trình, dự án giao thông, cụ thể:

- Thu hồi 1,00 ha để thực hiện dự án Thoát nước khu dân cư và nâng cấp đường Nguyễn Thiện Thuật do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,09 ha đất xây dựng đường kèp 2 bên cầu vượt Đông Hà do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,30 ha đất xây dựng đường Đặng Trần Côn (đoạn từ đường Hùng Vương đến Hàm Nghi) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,23 đất xây dựng đường quanh hồ Trung Chỉ do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,12 ha đất xây dựng đường Tuệ Tĩnh và CSHT khu dân cư 2 bên tuyến do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,03 ha đất xây dựng đường Lê Lợi nối dài đoạn từ đường Lý Thường Kiệt đến Quốc lộ 9D và CSHT khu dân cư hai bên tuyến (GĐ1) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,05 ha đất xây dựng đường nối từ đường Điện Biên Phủ đến đường Nguyễn Hữu Khiếu do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,13 ha đất xây dựng đường Nguyễn Trãi nối dài do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,83 ha đất xây dựng đường Trần Nguyên Hãn, thành phố Đông Hà (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,18 ha đất xây dựng CSHT KDC khu phố Tây Trì, Phường 1 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,03 ha đất xây dựng CSHT KDC đường Bà Triệu do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,27 ha đất xây dựng CSHT KDC phía Đông kênh N2 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,11 ha đất xây dựng CSHT KDC nâng cấp, mở rộng đường Bà Triệu do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,42 ha đất xây dựng hạ tầng KDC hai bên đường Phạm Hồng Thái (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,20 ha đất xây dựng CSHT khu dân cư phía Tây đường Kháo Bảo (giai đoạn 3) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,96 ha đất xây dựng đường Lê Thánh Tông (Đoạn Lê Lợi - Hùng Vương) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 5,00 ha đất để chỉnh trang đô thị khu vực Trung tâm thành phố Đông Hà do UBND thành phố làm chủ đầu tư do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,55 ha đất để xử lý nút giao thông nguy hiểm do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,06 ha đất để hoàn thiện CSHT khu dân cư phía Tây đường Khóa Bảo do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,50 ha đất để hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,07 ha đất xây dựng đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn Tạ Quang Bửu đến Trần Nhật Dật) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,45 ha đất xây dựng đường Trần Quang Khải (đoạn từ Hàn Mặc Tử tới Lê Thánh Tông) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 3,15 ha đất để hoàn thiện 47 m và các hạ tầng khu tái định cư Bắc Sông Hiếu do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,30 ha đất xây dựng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đập ngăn mặn đến QL 9 - bổ sung kết nối giao thông của Trường Tiểu học Lý Tự Trọng) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,04 ha đất xây dựng đường Trường Chinh (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Hùng Vương) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,99 ha đất xây dựng đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (Đường nối từ đường Nguyễn Du đến đường Trần Bình Trọng) do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 3,88 ha đất xây dựng Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,13 ha đất xây dựng CSHT Khu vực Bắc Sông Hiếu do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,00 ha đất xây dựng Khu đô thị Tân Vĩnh do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 25,38 ha đất xây dựng Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,11 ha đất để nâng cấp, mở đường bà Triệu do Sở KH&ĐT làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,10 ha đất xây dựng đường Trường Chinh do Sở KH&ĐT làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,11 ha đất xây dựng đường Hoàng Diệu do Sở KH&ĐT làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,65 ha đất xây dựng đường Phường 2 đi Đông Lễ, Đông Lương - Thu hồi 0,65 ha đất xây dựng đường Phường 2 đi Đông Lễ, Đông Lương do Sở KH&ĐT làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 6,37 ha đất xây dựng đường hai đầu cầu dây văng Sông Hiếu giai đoạn 1 do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,66 ha đất thực hiện Dự án GPMB để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng QL9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến QL1 (bổ sung) do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 35,87 ha đất xây dựng đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây, tỉnh Quảng Trị giai đoạn 1 (đoạn qua thành phố Đông Hà) do Ban QLDA ĐTXD tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 16,93 ha đất xây dựng đường tránh phía Đông thành phố Đông Hà do Sở GTVT làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,10 ha đất xây dựng đường Nguyễn Bình Khiêm nối dài và cầu chui đường sắt Đông Hà do Sở GTVT làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,04 ha đất xây dựng đường từ đường Hàm Nghi vào nhà văn hóa khu phố 6, Phường 5 do UBND Phường 5 làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,39 ha đất để xây dựng Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

- Thu hồi 1,70 ha đất để xây dựng Khu đô thị mới Phường 2.

b. Đất thủy lợi

Năm 2023, diện tích đất thủy lợi là 97,05 ha, giảm 2,46 ha so với năm 2022. Trong đó, thu hồi 5,31 ha đất thủy lợi để xây dựng các công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 2,85 ha (trong đó: Đất trồng cây hàng năm khác 1,36 ha; đất giao thông 0,05 ha; đất ở tại đô thị 0,85 ha; đất chưa sử dụng 0,59 ha) để thực hiện xây dựng các công trình thủy lợi, cụ thể:

- Thu hồi 0,04 ha đất xây dựng Hệ thống thoát nước tiêu úng cho vùng sản xuất lúa phía Tây đường sắt Bắc Nam thuộc Khu phố 3, phường Đông Thanh do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,75 ha đất để xây dựng Hệ thống thoát nước khu vực Trường THCS Phan Đình Phùng và Khu phố 2 Phường 5 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 1,11 ha đất để xây dựng kè sông Hiếu do Sở KH&ĐT làm chủ đầu tư.

c. Đất xây dựng cơ sở y tế

Năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở y tế là 33,51 ha, tăng 4,92 ha để xây dựng Bệnh viện đa khoa TTH Đông Hà tại Phường 2, lấy từ đất trồng lúa 3,80 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,80 ha; đất giao thông 0,14 ha; đất thủy lợi 0,10 ha; đất chưa sử dụng 0,08 ha.

d. Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo

Năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 86,60 ha, tăng 0,69 ha. Trong đó, thu hồi 0,58 ha đất cơ sở giáo dục - đào tạo để xây dựng công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 1,27 ha (trong đó: Đất trồng lúa 0,30 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,10 ha; đất nghĩa địa 0,80 ha; đất sông ngòi 0,07 ha) để xây dựng công trình:

- Thu hồi 0,97 ha đất để xây dựng trường học trong khu đô thị Bắc Sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,30 ha đất để xây dựng trường học trong khu đô thị mới Phường 2.

đ. Đất năng lượng

Năm 2023, diện tích đất năng lượng là 5,12 ha, tăng 0,45 ha (được lấy từ đất trồng lúa 0,06 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,10 ha; đất trồng cây lâu năm 0,05 ha; đất rừng sản xuất 0,08 ha; đất ở tại đô thị 0,03 ha; đất chưa sử dụng 0,13 ha) để xây dựng công trình, dự án trên địa bàn thành phố Đông Hà do Ban QLDA Lưới điện miền Trung - Tổng công ty điện lực Miền Trung làm chủ đầu tư:

- Thu hồi 0,14 ha đất để thực hiện dự án Nâng tiết diện đường dây 110kV Đông Hà - Lao Bảo.

- Thu hồi 0,31 ha đất để thực hiện dự án Cải tạo và phát triển lưới điện hạ áp khu vực trung tâm huyện lỵ, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Trị.

e. Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Năm 2023, diện tích đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà HT là 315,43 ha, giảm 0,97 ha. Trong đó, thu hồi 4,73 ha đất nghĩa địa để xây dựng các công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 5,70 ha (trong đó: Đất rừng sản xuất 4,92 ha; đất giao thông 0,68 ha; đất chưa sử dụng 0,10 ha) để Mở rộng nghĩa trang nhân dân thành phố tại Phường 4 (giai đoạn 1) do Trung tâm KC&DV công ích Đông Hà làm chủ đầu tư.

f. Đất chợ

Năm 2023, diện tích đất chợ là 9,77 ha, tăng 2,24 ha. Trong đó, thu hồi 0,11 ha đất chợ để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 2,35 ha (trong đó: Đất trồng cây hàng năm khác 1,19 ha; đất đất nuôi trồng thủy sản 0,10 ha; đất giao thông 0,14 ha; đất thủy lợi 0,16 ha; đất xây dựng cơ sở giáo

dục và đào tạo 0,07 ha; đất nghĩa địa 0,01 ha; đất ở tại đô thị 0,53 ha; đất chưa sử dụng 0,15 ha) để thực hiện GPMB tạo quỹ đất sạch phục vụ đấu giá QSD đất thực hiện dự án chợ và khu phố chợ Phường 5 do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố làm chủ đầu tư.

3.2.2.9. Đất sinh hoạt cộng đồng

Năm 2023, diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 12,53 ha, giảm 0,04 ha, do chuyển sang đất ở tại đô thị.

3.2.2.10. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng

Năm 2023, diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 83,50 ha, tăng 31,85 ha. Trong đó, thu hồi 0,11 ha đất khu vui chơi, giải trí công cộng để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn thành phố; thu hồi 31,96 ha (trong đó: Đất trồng lúa 2,16 ha; đất trồng cây hàng năm khác 0,79 ha; đất trồng cây lâu năm 1,17 ha; đất rừng sản xuất 15,42 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,11 ha; đất giao thông 2,35 ha; đất thủy lợi 0,39 ha; đất nghĩa địa 0,98 ha; đất chợ 0,11 ha; đất ở tại đô thị 2,39 ha; đất sông ngòi 0,12 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 5,08 ha; đất chưa sử dụng 0,38 ha) để thực hiện xây dựng các công trình, dự án mới, các khu công viên cây xanh, khu vui chơi, giải trí công cộng, cụ thể:

- Thu hồi 0,11 ha đất xây dựng Công viên mini trên địa bàn thành phố: Xây dựng mới vườn hoa mini tại khu vực Chợ Phường 3 (cũ) do Trung tâm KC&DV công ích Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,22 ha đất xây dựng Công viên mini trên địa bàn thành phố: Vườn hoa mini đường Nguyễn Trung Trực (Phường 3) do Trung tâm KC&DV công ích Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,25 ha đất xây dựng Công viên mini trên địa bàn thành phố: Vườn hoa mini đường Âu Cơ và đường Trường Chinh (Phường 5) do Trung tâm KC&DV công ích Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,06 ha đất Xây dựng Công viên mini trên địa bàn thành phố: Vườn hoa mini đường Đào Duy Anh và đường Chu Văn An (phường Đông Lương) do Trung tâm KC&DV công ích Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,30 ha đất để xây dựng công viên cây xanh thuộc Khu đô thị mới Phường 2.

- Thu hồi 0,56 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công cộng trong Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

- Thu hồi 1,25 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công trình công cộng thuộc khu đô thị Bắc sông Hiếu, giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 5,00 ha đất để xây dựng công viên cây xanh thuộc khu đô thị Tân Vĩnh do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 24,20 ha đất để xây dựng công viên cây xanh, công cộng trong khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

3.2.2.11. Đất ở tại đô thị

Năm 2023, diện tích đất ở tại đô thị là 817,29 ha, tăng 54,61 ha. Trong đó thu hồi 14,95 ha đất ở tại đô thị để thực hiện xây dựng các công trình trên địa bàn thành phố; thu hồi 69,56 ha (trong đó: Đất trồng lúa 20,43 ha; đất trồng cây hàng năm khác 15,60 ha; đất trồng cây lâu năm 0,06 ha; đất rừng sản xuất 23,71 ha; đất nuôi trồng thủy sản 0,27 ha; đất thương mại, dịch vụ 0,06 ha; đất giao thông 2,04 ha; đất thủy lợi 0,60 ha; đất nghĩa địa 1,36 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 0,04 ha; đất tín ngưỡng 0,05 ha; đất có mặt nước chuyên dùng 1,21 ha; đất chưa sử dụng 4,07 ha) để thực hiện các công trình, cụ thể:

- Thu hồi 0,14 ha đất xây dựng CSHT KDC khu phố Tây Trì, Phường 1 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,18 ha đất xây dựng CSHT KDC phía Đông kênh N2 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,11 ha đất xây dựng CSHT khu dân cư phía Tây đường Kháo Bảo (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,15 ha đất xây dựng CSHT khu tái định cư Phường 3 do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,55 ha đất xây dựng CSHT KDC đường Bà Triệu do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,07 ha đất xây dựng CSHT KDC khu phố 1A, phường Đông Lễ do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,31 ha đất xây dựng hạ tầng KDC hai bên đường Phạm Hồng Thái (giai đoạn 2) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,13 ha đất xây dựng CSHT khu dân cư phía Tây đường Kháo Bảo (giai đoạn 3) do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,45 ha đất để Hoàn thiện CSHT khu dân cư phía Tây đường Khóa Bảo do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 3,9 ha đất để Hoàn thiện CSHT khu dân cư hai bên đường Phạm Hồng Thái do Ban QLDA ĐTXD thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,02 ha đất xây dựng CSHT KDC Đồng Soi (giai đoạn 2) do UBND thành phố Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,02 ha đất xây dựng CSHT KDC dãy 2 đường Khóa Bảo - Thành Cổ do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,01 ha đất xây dựng CSHT khu dân cư Thương binh cũ do UBND thành phố Đông Hà làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,02 ha đất xây dựng Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 12,13 ha đất xây dựng Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,08 ha đất Xây dựng CSHT Khu vực Bắc Sông Hiếu do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 12,40 ha đất xây dựng Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 17,85 ha đất xây dựng Khu nhà ở đô thị, kết hợp nhà ở xã hội, Khu CN Nam Đông Hà do Sở xây dựng làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 0,56 ha đất xây dựng khu dân cư mới Phường 1 do Sở Xây dựng làm chủ đầu tư.

- Thu hồi 4,11 ha đất xây dựng Khu dân cư Nam Sông Hiếu phường 4, thành phố Đông Hà.

- Thu hồi 4,55 ha đất xây dựng Khu đô thị mới Phường 2.

- Thu hồi 3,46 ha đất để thực hiện đấu giá các lô lẻ trong khu dân cư trên địa bàn các phường do Trung tâm PTQĐ thành phố làm chủ đầu tư.

Ngoài ra, các hộ gia đình, cá nhân đăng ký xin chuyển mục đích sử dụng 10,14 ha từ đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất trong cùng thửa đất ở và một số thửa đất nằm xen kẹt trong khu dân cư sang mục đích đất ở tại đô thị.

3.2.2.12. Đất xây dựng trụ sở cơ quan

Năm 2023, diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 40,90 ha, tăng 0,61 ha được lấy từ đất trồng lúa để thực hiện công trình, dự án sau:

- Thu hồi 0,61 ha đất để xây dựng các cơ quan, đơn vị trong Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2 do Trung tâm PTQĐ tỉnh làm chủ đầu tư.

- Xây dựng Trung tâm hành chính thành phố Đông Hà (1,30 ha) do UBND thành phố làm chủ đầu tư.

- Xây dựng Trụ sở làm việc Chi cục Thống kê thành phố Đông Hà (1,437 ha) tại khu dân cư đường Cồn Cỏ, Phường 2.

3.2.2.13. Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp

Năm 2023, diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 17,87 ha, trong năm kế hoạch đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp không có sự biến động.

3.2.2.14. Đất tín ngưỡng

Năm 2023, diện tích đất tín ngưỡng là 15,86 ha, giảm 0,08 ha do thu hồi để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn thành phố.

Ngoài ra, Năm 2023, diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 0,31 ha; đất có mặt nước chuyên dùng giảm 8,98 ha; đất chưa sử dụng giảm 6,62 ha do thu hồi để thực hiện các công trình dự án trên địa bàn thành phố.

3.3. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

- Đất nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 3.928,18 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 3.708,17 ha, diện tích đến năm 2023 là 3.717,27 ha, giảm 210,91 ha so với năm 2022, trong đó:

+ Đất trồng lúa: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 1.045,41 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 958,03 ha, diện tích đến năm 2023 là 958,03 ha, giảm 87,38 ha so với năm 2022. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 4,27 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 59,91 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 2,16 ha;
- Đất ở tại đô thị: 20,43 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,61 ha;

+ Đất trồng cây hàng năm khác: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 443,16 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 409,75 ha, diện tích đến năm 2023 là 409,75 ha, giảm 33,41 ha so với năm 2022. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất cụm công nghiệp: 0,04 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,80 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 16,18 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,79 ha;
- Đất ở tại đô thị: 15,60 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 13,03 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 10,87 ha, diện tích đến năm 2023 là 10,87 ha, giảm 2,16 ha so với năm 2022. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 0,93 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 1,17 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,06 ha.

+ Đất rừng sản xuất: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 2.209,11 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 2.113,23 ha, diện tích đến năm 2023 là 2.113,23 ha, giảm 95,88 ha so với năm 2022. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất nông nghiệp khác: 9,10 ha;
- Đất cụm công nghiệp: 0,41 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 2,88 ha;
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 23,01 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 21,35 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 15,42 ha;
- Đất ở tại đô thị: 23,71 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 119,05 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 117,87 ha, diện tích đến năm 2023 là 117,87 ha, giảm 1,18 ha so với năm 2022. Biến động giảm do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,50 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 0,41 ha;
- Đất ở tại đô thị 0,27 ha.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 22,36 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 22,36 ha, diện tích đến năm 2023 là 31,46 ha, tăng 9,10 ha so với năm 2022, do chuyển từ đất rừng sản xuất sang.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 3.110,17 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 3.067,41 ha, diện tích đến năm 2023 là 3.327,69 ha, tăng 217,52 ha so với năm 2022. Cụ thể như sau:

+ Đất cụm công nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 17,94 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 17,94 ha, diện tích đến năm 2023 là 18,39 ha, tăng 0,45 ha so với năm 2022. Biến động tăng do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,04 ha;
- Đất rừng sản xuất: 0,41 ha.

+ Đất thương mại, dịch vụ: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 89,82 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 88,13 ha, diện tích đến năm 2023 là 98,43 ha, tăng 8,60 ha so với năm 2022. Biến động tăng 10,29 ha do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 4,27 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,80 ha;
- Đất rừng sản xuất: 2,88 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,50 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 0,86 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,45 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,43 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,10 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất thương mại, dịch vụ có biến động giảm 1,69 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 1,52 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,11 ha;

- Đất ở tại đô thị: 0,06 ha;

+ Đất phát triển hạ tầng: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 1.323,18 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 1.306,57 ha, diện tích đến năm 2023 là 1.430,98 ha, tăng 107,80 ha so với năm 2022. Biến động tăng 124,40 ha do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 59,91 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 16,18 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,93 ha;
- Đất rừng sản xuất: 21,35 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,41 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 1,52 ha;
- Đất giao thông: 1,01 ha;
- Đất thủy lợi: 4,27 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,07 ha;
- Đất nghĩa địa: 2,03 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,07 ha;
- Đất ở tại đô thị: 12,11 ha;
- Đất tín ngưỡng: 0,03 ha;
- Đất sông suối: 0,19 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 2,26 ha;
- Đất chưa sử dụng 2,06 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất phát triển hạ tầng có biến động giảm 16,60 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,86 ha;
- Đất giao thông: 5,23 ha;
- Đất thủy lợi: 0,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở y tế: 0,24 ha;
- Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,80 ha;
- Đất nghĩa địa: 0,68 ha;
- Đất chợ: 0,38 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 4,34 ha;
- Đất ở tại đô thị 4,02 ha.

+ Đất sinh hoạt cộng đồng: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 12,57 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 12,53 ha, diện tích đến năm 2023 là 12,53 ha, giảm 0,04 ha so với năm 2022, do chuyển sang đất ở tại đô thị.

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 83,50 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 51,55 ha, diện tích đến năm 2023 là 83,50 ha, tăng 31,85 ha so với năm 2022. Biến động tăng 31,96 ha do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 2,16 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,79 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 1,17 ha;
- Đất rừng sản xuất: 15,42 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,11 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 4,34 ha;
- Đất ở tại đô thị: 2,39 ha;
- Đất sông suối: 0,12 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 5,08 ha;
- Đất chưa sử dụng: 0,38 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất khu vui chơi, giải trí công cộng có biến động giảm 0,11 ha do chuyển sang đất phát triển hạ tầng 0,07 ha; đất ở tại đô thị 0,04 ha.

+ Đất ở tại đô thị: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 762,68 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 747,74 ha, diện tích đến năm 2023 là 817,29 ha, tăng 54,61 ha so với năm 2022. Biến động tăng 69,56 ha do nhận từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 20,43 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 15,60 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,06 ha;
- Đất rừng sản xuất: 23,71 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,27 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,06 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 4,02 ha;
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,04 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,04 ha;
- Đất tín ngưỡng: 0,05 ha;

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,21 ha;
- Đất chưa sử dụng 4,07 ha.

Đồng thời, trong năm kế hoạch đất ở tại đô thị có biến động giảm 14,95 ha do chuyển sang các loại đất sau: Đất thương mại, dịch vụ 0,45 ha; đất phát triển hạ tầng 12,11 ha; đất khu vui chơi, giải trí công cộng 2,39 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 40,29 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 40,29 ha, diện tích đến năm 2023 là 40,90 ha, tăng 0,61 ha so với năm 2022 do chuyển từ đất trồng lúa sang.

+ Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 17,87 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 17,87 ha, diện tích đến năm 2023 là 17,87 ha. Trong năm kế hoạch đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp không có sự biến động.

+ Đất tín ngưỡng: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 15,94 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 15,86 ha, diện tích đến năm 2023 là 15,86 ha, giảm 0,08 ha, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 0,03 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,05 ha.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 381,45 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 381,14 ha, diện tích đến năm 2023 là 381,14 ha, giảm 0,31 ha so với năm 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất phát triển hạ tầng: 0,19 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,12 ha;

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 157,26 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 148,28 ha, diện tích đến năm 2023 là 148,28 ha, giảm 8,98 ha so với năm 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,43 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 2,26 ha;
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 5,08 ha;
- Đất ở tại đô thị: 1,21 ha;

- Đất chưa sử dụng: Diện tích hiện trạng năm 2022 là 270,18 ha, diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng là 263,57 ha, diện tích đến năm 2023 là 263,57 ha, giảm 6,62 ha so với năm 2022 do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,10 ha;
- Đất phát triển hạ tầng: 2,06 ha;

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,38 ha;
- Đất ở tại đô thị: 4,07 ha;

(Chi tiết có Biểu 13/CH kèm theo)

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Tổng diện tích cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch là 235,57 ha, trong đó: Diện tích chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án là 225,43 ha; diện tích chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân là 10,14 ha.

3.4.1. Diện tích chuyển mục đích để thực hiện các công trình, dự án

- Trong năm 2023 cần chuyển 210,91 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để thực hiện các công trình dự án, cụ thể:

+ Chuyển sang đất cụm công nghiệp: 0,45 ha.

+ Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ: 8,45 ha.

+ Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 98,78 ha, (trong đó: Đất giao thông 85,92 ha; đất thủy lợi 1,36 ha; đất xây dựng cơ sở y tế 4,60 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo 0,40 ha; đất năng lượng 0,29 ha; đất nghĩa địa 4,92 ha; đất chợ 1,29 ha).

+ Đất khu vui chơi giải trí, công cộng: 19,54 ha.

+ Đất ở tại đô thị: 60,06 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,61 ha.

- Các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp, cụ thể:

+ Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 87,38 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 33,41 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 2,16 ha.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 86,78 ha.

+ Đất nuôi trồng thủy sản chuyển sang đất phi nông nghiệp: 1,18 ha.

(Chi tiết có Biểu 07/CH và Biểu 13/CH kèm theo)

- Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp: Chuyển 9,10 ha đất rừng sản xuất sang đất nông nghiệp khác (NKH) để Xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp công nghệ cao tại Phường 4.

(Có Biểu 07/CH kèm theo)

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Trong năm 2023, chuyển 5,42 ha đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở. Cụ thể:

+ Đất thương mại, dịch vụ: 0,06 ha.

+ Đất giao thông: 2,04 ha.

- + Đất thủy lợi: 0,60 ha.
- + Đất nghĩa địa: 1,36 ha.
- + Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,04 ha.
- + Đất tín ngưỡng: 0,05 ha.
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,21 ha.
- + Đất chưa sử dụng: 4,07 ha.

(Có Biểu 07/CH và Biểu 13/CH kèm theo)

3.4.2. Diện tích chuyển mục đích cho hộ gia đình cá nhân

- Trong năm 2023 nhu cầu đăng ký xin chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố là 33,15 ha, trong đó:

- + Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất ở là 10,08 ha.
- + Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất ở là 0,06 ha;
- + Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 23,01 ha.

- Diện tích chuyển mục đích cho hộ gia đình, cá nhân theo các phường:

- + Phường 1: 0,52 ha;
- + Phường 2: 0,23 ha;
- + Phường 3: 0,64 ha;
- + Phường 4: 1,71 ha;
- + Phường 5: 1,50 ha;
- + Phường Đông Thanh: 1,04 ha;
- + Phường Đông Giang: 1,56 ha;
- + Phường Đông Lễ: 0,94 ha;

+ Phường Đông Lương: 25,01 ha (Trong đó: Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất ở tại đô thị 2,00 ha; đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 23,01 ha, để khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp Đông Lương thuộc phường Đông Lương.

Riêng đối với Phường 5, chỉ tiêu theo quy hoạch đến năm 2030 được duyệt là 1,00 ha, kết quả chuyển mục đích trong 02 năm là 0,55 ha (năm 2021 là 0,40 ha; năm 2022 là 0,15 ha), chỉ tiêu còn lại chưa thực hiện là 0,45 ha. Theo nhu cầu đăng ký chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2023 là 1,50 ha vượt so với chỉ tiêu còn lại là 1,00 ha, tuy nhiên đối chiếu với chỉ tiêu tổng thể của thành phố còn lại là 26,53 ha, để giải quyết nhu cầu chuyển mục đích của người sử dụng đất nên bổ sung chỉ tiêu chuyển mục đích từ các phường khác sang cho Phường 5.

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Tổng diện tích cần thu hồi trong năm kế hoạch 2023 là 227,13 ha, cụ thể:

- Đất trồng lúa: 87,38 ha.
- Đất trồng cây hàng năm: 23,32 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: 2,10 ha.
- Đất rừng trồng sản xuất: 63,77 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 1,18 ha.
- Đất cơ sở thương mại, dịch vụ: 1,69 ha.
- Đất phát triển hạ tầng: 16,60 ha (trong đó: Đất giao thông: 5,85 ha; đất thủy lợi: 5,31 ha; đất xây dựng cơ sở văn hóa: 0,02 ha; đất cơ sở giáo dục - đào tạo: 0,58 ha; đất nghĩa địa: 4,73 ha; đất chợ: 0,11 ha).
- Đất sinh hoạt cộng đồng: 0,04 ha.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,11 ha.
- Đất ở tại đô thị: 14,95 ha.
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,08 ha.
- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 0,31 ha.
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 8,98 ha.
- Đất chưa sử dụng: 6,62 ha.

(Có Biểu 08/CH và Biểu 09/CH kèm theo)

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong năm 2023, khai thác sử dụng 6,62 ha từ đất bằng chưa sử dụng để đầu giá các lô đất lẻ trong khu dân cư, thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, mở rộng phát triển các khu đô thị mới, ... Cụ thể, đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng cho các mục đích sau:

- Đất thương mại, dịch vụ: 0,10 ha.
- Đất phát triển hạ tầng: 2,06 ha.
- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: 0,38 ha.
- Đất ở tại đô thị: 4,07 ha.

(Có Biểu 09/CH kèm theo)

3.7. Giao đất, cho thuê đất đối với thửa đất nhỏ hẹp

Qua thực hiện các bước thống kê, rà soát việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp do Nhà nước quản lý trên địa bàn thành phố theo khoản 11 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 và Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đưa vào kế hoạch: 1,36 ha, trong đó:
 - + Phường 1: 0,62 ha;
 - + Phường 2: 0,08 ha;
 - + Phường 3: 0,09 ha;
 - + Phường 4: 0,02 ha;

- + Phường 5: 0,03 ha;
- + Phường Đông Thanh: 0,08 ha;
- + Phường Đông Giang: 0,10 ha;
- + Phường Đông Lễ: 0,17 ha;
- + Phường Đông Lương: 0,17 ha.

3.8. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch

Đối với các công trình, dự án theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai 2013 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và có ghi vốn trong năm kế hoạch.

(Có Biểu 10/CH kèm theo)

Đối với các công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2023, đến thời điểm hiện tại chưa có nghị quyết chấp thuận chủ trương thu hồi đất của Hội đồng nhân dân tỉnh, có khả năng thực hiện trong năm kế hoạch, thì vẫn đưa vào phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch này. Sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua chủ trương thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung danh mục công trình, dự án để thực hiện. Gồm các công trình, dự án sau:

- Trạm biến áp 110kV Triệu Phong và đầu mối do Ban QLDA Lưới điện miền Trung - Tổng công ty điện lực Miền Trung làm chủ đầu tư.
- Nâng cao khả năng mang tải đường dây 110kV Đông Hà 220kV - Quán Ngang do Ban QLDA Lưới điện miền Trung - Tổng công ty điện lực Miền Trung làm chủ đầu tư.

3.9. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất

3.9.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;
- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

- Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 -2024) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà Nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đông Hà;

- Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà Nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Đông Hà;

- Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Căn cứ phương pháp xác định giá đất cụ thể;

- Thực tế các nguồn thu từ đất trên địa bàn thành phố qua các năm.

3.9.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai

- Các khoản thu: 370,0 tỷ đồng

+ Thu tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 5,0 tỷ đồng

+ Thu cho thuê đất, cho thuê mặt nước: 15,0 tỷ đồng

+ Thu tiền sử dụng đất (đấu giá, chuyên mục đích...): 350,0 tỷ đồng

- Các khoản chi: 105,0 tỷ đồng

+ Chi bồi thường, giải phóng mặt bằng: 100,0 tỷ đồng

+ Chi nhiệm vụ quản lý đất đai: 5,0 tỷ đồng

- Cân đối thu chi: Thu - Chi = 265,0 tỷ đồng

IV. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được thực hiện có hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp chính sau:

4.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường; khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất, tái tạo lại cảnh quan; bảo vệ rừng phòng hộ, phát triển, bảo vệ rừng sản xuất, tăng độ che phủ rừng, giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái.

- Cần xem xét ưu tiên đối với những dự án đầu tư có tính trọng điểm, là động lực phát triển kinh tế xã hội của thành phố, các dự án thân thiện với môi trường mang tính bền vững. Các dự án chuyên mục đích sử dụng đất cho phát triển kinh tế, xã hội buộc phải có đánh giá tác động môi trường để có thể ngăn chặn từ trước những nguyên nhân gây ô nhiễm, công tác lập và thẩm định báo

cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn nước thải ra môi trường; kiểm tra, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử phạt các cơ sở sản xuất, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước.

- Đối với đất nông nghiệp phải áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai của thành phố. Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi, hạn chế sâu bệnh, để có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Hầu hết các phường, khu phố đều có quy hoạch khu tập kết rác thải, tuy nhiên cần lựa chọn phương thức thu gom và công nghệ xử lý phù hợp, giảm thiểu tác động của khu quản lý rác thải đến môi trường xung quanh.

4.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Để thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đạt theo kế hoạch đề ra, cần phải huy động có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, cụ thể:

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chi ngân sách thành phố hàng năm, trong đó tiết kiệm chi thường xuyên để ưu tiên bố trí thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển; đồng thời tranh thủ có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương, tỉnh và các nguồn vốn tài trợ ODA để bố trí cho các công trình dự án trên địa bàn thành phố đảm bảo tiến độ đề ra.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước quan tâm bỏ vốn đầu tư thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện giao đất ở đô thị có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất; thực hiện cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng đất làm mục đích sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các đề án xã hội hóa về lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng đô thị để huy động vốn đóng góp của nhân dân thông qua các công trình xã hội hoá.

- Thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, phát huy tiềm năng, tăng cường thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Đầu tư có trọng điểm trên các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là đầu tư để phát triển thương mại - dịch vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Hướng dẫn việc triển khai thực hiện kế hoạch, quy hoạch; cung cấp thông tin có liên quan cho chủ đầu tư để thực hiện đúng kế hoạch, quy hoạch.

4.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được phê duyệt, UBND thành phố chỉ đạo các phường, các ngành xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất trong phạm vi quản lý của đơn vị mình, phù hợp với nội dung kế hoạch sử dụng đất của thành phố trên địa bàn phường.

- Công khai kế hoạch sử dụng đất của thành phố để mọi người dân biết và thực hiện đúng kế hoạch.

- Tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai để người dân nắm và tuân thủ; tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính trong các thủ tục liên quan tới đất đai.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các biến động đất đai để làm cơ sở cho công tác quản lý đất đai theo đúng kế hoạch sử dụng đất.

- Các công trình đầu tư xây dựng phải phù hợp quy hoạch để đảm bảo quản lý đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch sử dụng đất, đồng thời thông qua nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư phù hợp và đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền khi thực hiện dự án thu hồi, bồi thường đất đai để người dân thuộc đối tượng thu hồi đất đồng tình thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng. Giải quyết tốt chỗ ở, ổn định đời sống và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi.

4.4. Giải pháp về khoa học công nghệ, sử dụng lao động

- Tăng cường đầu tư cho việc ứng dụng những tiên bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Nâng cao trình độ trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho những cán bộ công chức làm công tác quản lý đất đai dưới hình thức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn thường xuyên để có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực giúp cho chính quyền các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013 quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

4.5. Giải pháp về thông tin và truyền thông

Xây dựng kế hoạch sử dụng đất và thực hiện kế hoạch cần có sự tham gia đầy đủ của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Cần lựa chọn các phương tiện

thông tin và truyền thông phù hợp để mọi đối tượng nắm bắt được đầy đủ các thông tin về kế hoạch sử dụng đất. Ngoài ra giáo dục pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai cần được chú trọng, quan tâm; để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý đất đai và nhận thức của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, đúng pháp luật.

4.6. Giải pháp chuyển đổi ngành nghề và phát triển sinh kế cho những hộ gia đình bị thu hồi đất sản xuất để thực hiện các mục đích phi nông nghiệp

- Giải quyết tốt chỗ ở, ổn định đời sống và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi. Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, đào tạo nâng cao tay nghề đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn.

- Hỗ trợ phát triển sinh kế bao gồm:

+ Thứ nhất là tiếp tục củng cố năng lực kỹ thuật và quản lý tư vấn trang trại cho cán bộ và người dân, song song với việc chuyên môn hóa các hoạt động nông nghiệp cho các hộ nông dân, đẩy mạnh nâng cao chuyên môn và nhân rộng các thực hành nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tập trung, nông nghiệp công nghệ cao.

+ Thứ hai là xây dựng và củng cố năng lực cung cấp dịch vụ nông nghiệp cho các nông hộ thông qua mô hình hợp tác xã và các nhóm sản xuất nhằm mang đến sự hỗ trợ tối ưu cho các nông hộ hưởng lợi, giảm thiểu chi phí phát sinh và đáp ứng nhu cầu đa dạng của các hộ sản xuất tại địa phương và người tiêu dùng.

+ Hỗ trợ nhiều hơn nữa các hộ nông dân có nhu cầu, nâng cao năng lực kỹ thuật và chuyên môn của các bên liên quan, mang nền nông nghiệp sinh thái cùng các thực hành nông nghiệp bền vững tiến sâu rộng hơn vào đời sống tại địa phương nói chung.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Đông Hà dựa trên Phương án Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Đông Hà và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2023. Tổng hợp hầu hết các nhu cầu sử dụng đất của người dân và nhu cầu sử dụng đất của các công trình dự án đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn trung ương, tỉnh, địa phương triển khai trên địa bàn thành phố và một số dự án của các thành phần kinh tế. Đảm bảo điều hòa được quan hệ sử dụng đất trong phát triển xây dựng đô thị và phát triển của các ngành kinh tế phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Đông Hà, là cơ sở pháp lý để tiến hành giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giúp cho các tổ chức, cá nhân có cơ sở pháp lý đầu tư phát triển trên địa bàn thành phố. Chỉ tiêu các loại đất chính của phương án kế hoạch sử dụng đất 2023 đảm bảo cho phát triển kinh tế - xã hội từ đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của các tầng lớp dân cư, phát triển các ngành kinh tế. Hiệu quả sử dụng đất được nâng cao với sự chuyển dịch cơ cấu đất đai hợp lý, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.

Các nội dung, yêu cầu về kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Kiến nghị

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Đông Hà, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Kính đề nghị UBND tỉnh xem xét phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố Đông Hà làm cơ sở để tổ chức thực hiện.

BIỂU SỐ LIỆU